

THANH TRA CHÍNH PHỦ
VIỆN KHOA HỌC THANH TRA

**TÀI LIỆU
BỒI DƯỠNG VỀ PHÒNG,
CHỐNG THAM NHŨNG**

*(Dành cho giáo viên các trường đại học,
cao đẳng, trung cấp)*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2011

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hiện nay, trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, tệ nạn tham nhũng đang ngày càng tăng lên và hết sức phức tạp, khó lường cả về hình thức, tính chất và quy mô. Đặc biệt, ở các nước đang phát triển, tham nhũng trở thành một gánh nặng lớn đối với công cuộc chống đói nghèo, lạc hậu. Mặc dù công cuộc chống tệ nạn tham nhũng đã có được những tiến bộ nhất định nhưng tệ nạn này vẫn là một nguy cơ mang tính toàn cầu, đe dọa sự phát triển của xã hội, do vẫn còn tồn tại rất nhiều rào cản trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Công tác phòng, chống tham nhũng trở thành một yêu cầu bức xúc của toàn xã hội, đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự và của từng thành viên trong xã hội. Muốn vậy, công việc trước tiên cần phải tiến hành là phải tuyên truyền, giáo dục ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với cuộc đấu tranh này. Xuất phát từ yêu cầu đó, Đề án đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu nâng cao nhận thức, trách nhiệm và xây dựng thái độ, ý thức tự giác cho cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Để góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên có năng lực giảng dạy về phòng, chống tham nhũng trong các trường phổ thông trung học, Viện Khoa học thanh tra thuộc Thanh tra Chính phủ đã biên soạn ***Tài liệu bồi dưỡng về phòng, chống tham nhũng (Dành cho giáo viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp)***. Tài liệu này cung cấp, trang bị những nội dung cơ bản sau:

- *Những vấn đề cơ bản về tham nhũng*: Trình bày khái niệm

“tham nhũng”, những nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng, tác hại của tham nhũng.

- *Quan điểm của Đảng, Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng*: Trình bày đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua các văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề phòng, chống tham nhũng cũng như những tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày hôm nay về vấn đề này.

- *Các giải pháp phòng, chống tham nhũng*: Phân tích các giải pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng; xử lý người có hành vi tham nhũng; đồng thời đề cập đến vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này đến bạn đọc.

Tháng 3 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Qua hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, bên cạnh những thành tựu đã đạt được về mọi mặt, từ việc đổi mới hệ thống chính trị, cơ chế quản lý kinh tế, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật và hội nhập quốc tế..., Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ, trong đó có tệ tham nhũng. Cùng với lãng phí, tham nhũng đang diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân; là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta. Nhận thức sâu sắc về tác hại của tham nhũng, trong thời gian qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách và pháp luật về phòng, chống tham nhũng, trong đó có nhiều văn bản quan trọng đối với công tác phòng, chống tham nhũng như: *Luật phòng, chống tham nhũng* được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29-11-2005, Nghị quyết số 04-NQ-TW ngày 21-8-2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12-5-2009 của Chính phủ *ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020...*

Công tác phòng, chống tham nhũng đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự. Thực hiện *Luật phòng, chống tham nhũng*, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ (kèm theo Quyết định số 30/2006/QĐ-TTg ngày 6-2-2006) và giao Thanh tra Chính phủ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Hành chính quốc gia, các trường bồi dưỡng cán bộ của các bộ, ngành đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình đào tạo. Tại Nghị quyết số 04-NQ/TW về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và yêu cầu đưa nội dung *Luật phòng, chống tham nhũng* vào chương trình giáo dục.

Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng về phòng, chống tham nhũng là vấn đề mới ở nước ta và chưa thực sự được quan tâm đúng mức trong thời gian qua. Nội dung phòng, chống tham nhũng chưa được đưa vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng để giảng dạy, học tập thường xuyên trong các nhà trường. Ở các trường đại học chuyên ngành về luật và các trường cán bộ quản lý, mặc dù có đưa vấn đề này vào chương trình đào tạo, song nội dung còn đơn giản và thường chỉ được lồng ghép ở một phần nhỏ trong các môn học chính khóa khác. Hơn thế, việc tổ chức giảng dạy, học tập cũng chưa được chú trọng, còn thiếu bài bản

và hệ thống. Do vậy, nhận thức của sinh viên, học viên và thậm chí của cả đội ngũ cán bộ làm công tác giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, đào tạo về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng nhìn chung còn rất hạn chế.

Nghiên cứu công tác giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo của một số quốc gia cho thấy, để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đã đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giáo dục trong các nhà trường như: Thụy Điển, Trung Quốc, Singapore, v.v.. Qua giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo kiến thức về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức, sinh viên, học sinh, nhiều quốc gia đã đạt được những thành tựu đáng kể trong đấu tranh chống tệ nạn này, nhất là trong việc phòng ngừa các hành vi tham nhũng. Điểm đáng chú ý là mặc dù đều đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào nhà trường, song đối tượng, phương pháp, cách thức giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo ở các quốc gia rất khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa, pháp lý và trình độ nhận thức của đối tượng được giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo ở mỗi nước. Tại Trung Quốc, phương pháp giáo dục học sinh trong nhiều nhà trường là trong chương trình học có những tiết học về các vụ án quan chức tham nhũng; song ấn phẩm dành cho cấp tiểu học và trung học cơ sở lại tập trung vào khía cạnh tích cực, nói về văn hóa truyền thống, tính cách và các tiêu chuẩn đối với học sinh; quá trình học tập, giáo viên cùng học sinh thảo luận về nạn tham nhũng tồn tại trong xã hội, v.v.. Đây chính là những vấn đề cần được nghiên cứu, tiếp thu sáng tạo, phù hợp vào điều kiện và

hoàn cảnh của Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, Ngày 2-12-2009, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 137/2009/QĐ-TTG *phê duyệt Đề án đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng* với mục tiêu nâng cao nhận thức, trách nhiệm và xây dựng thái độ, ý thức tự giác cho cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; phát huy vai trò của xã hội, của các cơ quan nhà nước, qua đó tạo ra phong trào sâu rộng đấu tranh phòng, chống tham nhũng, từng bước hình thành văn hóa chống tham nhũng. Đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, Đề án đặt ra mục tiêu: Trang bị kiến thức cơ bản nhằm nâng cao nhận thức, sự hiểu biết về phòng, chống tham nhũng; xây dựng thái độ, ý thức tự giác của sinh viên, học sinh đối với công tác phòng, chống tham nhũng, qua đó giúp cho đối tượng này tham gia, hỗ trợ, phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống tham nhũng. Với mục tiêu đó, nội dung giáo dục tập trung vào các vấn đề: khái niệm “tham nhũng”; nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng; Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng; trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng. Riêng đối với các trường chuyên về luật, trường hành chính, trường liên quan trực tiếp đến công tác nội chính (ngành tòa án, kiểm sát, công an) thì nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng còn phải bổ sung những nội dung cơ bản của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, kỹ năng đấu tranh phòng ngừa tham nhũng và kinh nghiệm của nước ngoài về phòng, chống tham nhũng.

Để góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên có năng lực giảng dạy về phòng, chống tham nhũng trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, Thanh tra Chính phủ đã biên soạn *Tài liệu bồi dưỡng về phòng, chống tham nhũng (Dành cho giáo viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp)*. Tài liệu này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về tham nhũng, quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng; các giải pháp phòng, chống tham nhũng.

Trong quá trình biên soạn, tài liệu này không tránh khỏi những khiếm khuyết. Nhóm tác giả sẵn sàng tiếp nhận và cảm ơn các ý kiến phản hồi nhằm giúp tài liệu hoàn thiện hơn.

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THAM NHŨNG

I. KHÁI NIỆM THAM NHŨNG

1. Định nghĩa

Theo nghĩa rộng, tham nhũng được hiểu là hành vi của bất kỳ người nào có chức vụ, quyền hạn hoặc được giao nhiệm vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc nhiệm vụ được giao để vụ lợi. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, *tham nhũng là lợi dụng quyền hành để những nhiều nhân dân lấy của*¹. Tài liệu hướng dẫn của Liên hợp quốc về cuộc đấu tranh quốc tế chống tham nhũng (năm 1969) định nghĩa tham nhũng trong một phạm vi hẹp, đó là *sự lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng*...

Theo nghĩa hẹp và là khái niệm được pháp luật Việt Nam quy định (tại *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005*), *tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi*². Người có chức vụ, quyền hạn chỉ giới hạn ở những người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống chính trị; nói cách khác là ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách, vốn, tài sản của Nhà nước. Việc giới hạn như vậy nhằm tập trung đấu tranh chống những hành vi tham nhũng ở khu vực xảy ra phổ biến nhất, chống có trọng tâm, trọng điểm, thích hợp với việc áp dụng các

¹.

². Xem: *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2007*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 8.

biện pháp phòng, chống tham nhũng như: kê khai tài sản, công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu.

2. Những đặc trưng cơ bản

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tham nhũng có những đặc trưng cơ bản như sau:

a) Chủ thể tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn

Đặc điểm của tham nhũng là chủ thể thực hiện hành vi phải là người có chức vụ, quyền hạn. Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó (khoản 3, Điều 1, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005*).

Nhìn chung, nhóm đối tượng này có đặc điểm đặc thù so với các nhóm đối tượng khác như: họ thường là những người có quá trình công tác và cống hiến nên có nhiều kinh nghiệm; được đào tạo có hệ thống, là những chuyên gia trên nhiều lĩnh vực khác nhau; là những người có quan hệ rộng và có uy tín xã hội nhất định và thậm chí có thể mạnh về kinh tế. Những đặc điểm này của chủ thể hành vi tham nhũng chính là yếu tố gây khó

khẩn cho việc phát hiện, điều tra, xét xử hành vi tham nhũng.

b) Chủ thể tham nhũng lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao

“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn” để vụ lợi là đặc trưng thứ hai của tham nhũng. Khi thực hiện hành vi tham nhũng, kẻ tham nhũng phải sử dụng “chức vụ, quyền hạn của mình” như một phương tiện để mang lại lợi ích cho mình, cho gia đình mình hoặc cho người khác. Đây là yếu tố cơ bản để xác định hành vi tham nhũng. Một người có chức vụ, quyền hạn nhưng không lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thì không thể có hành vi tham nhũng. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó đều được coi là hành vi tham nhũng. Ở đây có sự giao thoa giữa hành vi này với các hành vi tội phạm khác, do vậy cần lưu ý khi phân biệt hành vi tham nhũng với các hành vi vi phạm pháp luật khác.

c) Mục đích của hành vi tham nhũng là vụ lợi

Hành vi tham nhũng là hành vi cố ý. Mục đích của hành vi tham nhũng là vụ lợi. Nếu chủ thể thực hiện hành vi không cố ý thì hành vi đó không là hành vi tham nhũng. Vụ lợi ở đây được hiểu là lợi ích vật chất hoặc lợi ích tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn đã đạt được hoặc có thể đạt được thông qua hành vi tham nhũng. Như vậy, khi xử lý về hành vi tham nhũng, không bắt buộc chủ thể tham nhũng phải đạt được lợi ích.

Pháp luật Việt Nam hiện nay quy định việc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tham nhũng chủ yếu dựa trên căn cứ xác định những lợi ích vật chất mà kẻ tham

những đạt được để từ đó quyết định mức độ xử lý. Lợi ích vật chất hiện nay trong cơ chế thị trường thể hiện ở rất nhiều dạng khác nhau, nếu chỉ căn cứ vào những tài sản phát hiện hoặc thu hồi được để đánh giá lợi ích mà kẻ tham nhũng đạt được thì sẽ là không đầy đủ. Thêm nữa, các lợi ích vật chất và tinh thần đan xen rất khó phân biệt; ví dụ như: việc dùng tài sản của Nhà nước để khuyếch trương thanh thế, gây dựng uy tín hay các mối quan hệ để thu lợi bất chính. Trong trường hợp này, mục đích của hành vi vừa là lợi ích vật chất, vừa là lợi ích tinh thần...

Đối với khu vực tư, khi có vụ việc tham nhũng xảy ra, pháp luật đã có những sự điều chỉnh nhất định. Tuy nhiên, cũng có trường hợp, người có chức vụ, quyền hạn trong các tổ chức, doanh nghiệp thuộc khu vực tư cấu kết, móc nối với những người thoái hoá, biến chất trong khu vực công hoặc lợi dụng ảnh hưởng của những người này để trục lợi. Trong trường hợp đó, họ trở thành đồng phạm khi người có hành vi tham nhũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Các hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

Bộ luật hình sự, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã phân loại tham nhũng theo hành vi. Theo đó, những hành vi sau đây thuộc nhóm hành vi tham nhũng:

- Tham ô tài sản.
- Nhận hối lộ.
- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ,

công vụ vì vụ lợi.

- Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.

- Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.

- Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi.

- Những nhiễu vì vụ lợi.

- Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Trong 12 hành vi tham nhũng nêu trên, có 7 hành vi đã được quy định trong *Bộ luật hình sự năm 1999; được sửa đổi, bổ sung ngày năm 2009 và có hiệu lực từ ngày 1-1-2010*, bao gồm:

- Tham ô tài sản: là lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.

- Nhận hối lộ: là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi: là việc cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân

- lạm quyền trong khi thi hành công vụ: là cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi: là việc cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào, gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm

- Giả mạo trong công tác: là cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- + Sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu;
- + Làm, cấp giấy tờ giả;
- + Giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn¹.

Hành vi thứ 8 đến hành vi thứ 12 mới được bổ sung do đây

¹. Xem: *Bộ luật hình sự năm 1999; được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 247-254.

là những hành vi đã phát sinh và đang trở nên phổ biến trên thực tế, cần được quy định cụ thể làm cơ sở pháp lý cho việc xử lý. So với những hành vi tham nhũng tại *Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998* và các tội phạm về tham nhũng trong *Bộ luật hình sự năm 1999*; được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì *Luật phòng, chống tham nhũng* có bổ sung 5 hành vi tham nhũng mới. Đây là những hành vi xuất hiện ngày càng phổ biến trong thời gian gần đây. Việc quy định thêm 5 loại hành vi mới này là cần thiết và là cơ sở pháp lý để đấu tranh với những biểu hiện ngày càng phức tạp của tham nhũng. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi tham nhũng đều bị xử lý về hình sự mà chỉ những hành vi hội đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm quy định trong *Bộ luật hình sự* thì mới được xác định là tội phạm và bị xử lý bằng biện pháp hình sự, (các hành vi được quy định từ khoản 1 đến khoản 7, Điều 3 của Luật) còn những hành vi khác (từ khoản 8 đến khoản 12, Điều 3 của Luật) được xác định là hành vi tham nhũng nhưng chưa cấu thành tội phạm thì được xử lý bằng biện pháp kỷ luật.

- Về hành vi “*đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi*”: Đây là một biểu hiện mới của tệ tham nhũng. Do vẫn còn tồn tại cơ chế “xin - cho” trong nhiều lĩnh vực nên có nhiều cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương đã tìm cách hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn phụ trách việc phê duyệt chương trình, dự án, cấp kinh phí, ngân sách để được lợi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và thông qua đó để đạt được các lợi ích cá nhân. Hành vi này được coi là hành

vi tham nhũng. Điều cần lưu ý là hành vi đưa hối lộ, môi giới hối lộ là tội danh được quy định trong *Bộ luật hình sự* không thuộc nhóm các tội phạm về tham nhũng mà thuộc nhóm các tội phạm về chức vụ. Còn hành vi đưa hối lộ, làm môi giới hối lộ được thực hiện bởi chủ thể có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi thì mới được coi là hành vi tham nhũng. Hành vi này vừa chịu sự điều chỉnh của pháp luật hình sự với tội danh tương ứng (nếu hành vi đó cấu thành tội phạm), vừa là hành vi tham nhũng theo sự điều chỉnh của pháp luật về tham nhũng.

- Về hành vi “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản nhà nước vì vụ lợi*”: Đây là hành vi lợi dụng việc được giao quyền quản lý tài sản của nhà nước để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc một nhóm người nào đó thay vì phục vụ cho lợi ích công. Biểu hiện cụ thể của hành vi này thường là cho thuê tài sản như: nhà xưởng, trụ sở, xe ô tô và các tài sản khác nhằm vụ lợi. Số lượng tài sản cho thuê nhiều khi lớn.

- Về hành vi “*những nhiễu vì vụ lợi*”: Những nhiễu là hành vi đã được mô tả trong phần thuật ngữ khái niệm. Cần nhấn mạnh thêm hành vi này xuất hiện trong hoạt động của một số cơ quan công quyền, nhất là tại các cơ quan hành chính, nơi trực tiếp giải quyết công việc của công dân và doanh nghiệp. Một số cán bộ, công chức không thực hiện trách nhiệm với thái độ công tâm và tinh thần phục vụ mà ngược lại thường tìm cách lợi dụng những sơ hở hoặc không rõ ràng của các thủ tục, thậm chí tự ý đặt ra các điều kiện gây thêm khó khăn cho công dân và doanh nghiệp để buộc công dân và doanh nghiệp biếu xén cho mình quà cáp. Thực chất của hành vi này là sự ép

buộc đưa hối lộ được che đậy dưới hình thức tinh vi rất khó có căn cứ để xử lý. Cũng có thể coi hành vi những nhiều là hành vi “đòi hối lộ” một cách gián tiếp hoặc ở mức độ chưa thật nghiêm trọng và có thể dùng biện pháp xử lý hành chính.

- Về hành vi *“lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi”*. Hành vi tham nhũng nhiều khi được che chắn thậm chí là có sự đồng lõa của những người có chức vụ, quyền hạn ở cấp cao hơn. Vì vậy, việc phát hiện và xử lý tham nhũng là hết sức khó khăn. Việc bao che cho người có hành vi tham nhũng, việc cản trở quá trình phát hiện tham nhũng có khi được che đậy dưới rất nhiều hình thức khác nhau như: thư tay, điện thoại, nhắc nhở, tránh không thực hiện trách nhiệm của mình hoặc có thái độ, việc làm bất hợp tác với cơ quan có thẩm quyền...

- Hành vi *“không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi”* là hành vi thường được gọi là “bảo kê” của những người có trách nhiệm quản lý, đặc biệt là một số người làm việc tại chính quyền địa phương cơ sở, đã “lờ” đi hoặc thậm chí tiếp tay cho các hành vi vi phạm để từ đó nhận lợi ích từ những kẻ phạm pháp.

II- NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA THAM NHƯNG

Định nghĩa và đặc trưng của tham nhũng cho thấy, tham nhũng luôn luôn gắn với quyền lực và lợi ích cá nhân. Những

nghiên cứu về tham nhũng trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng cũng cho thấy tham nhũng là một hiện tượng xã hội gắn với sự xuất hiện chế độ tư hữu, sự hình thành giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước, quyền lực nhà nước và các quyền lực công khác. Tham nhũng tồn tại ở mọi chế độ với những mức độ khác nhau. Khi nhà nước và quyền lực chính trị còn tồn tại thì còn có điều kiện để xảy ra tham nhũng. Nhận thức như vậy không đồng nghĩa với việc coi tham nhũng trong bộ máy nhà nước là điều đương nhiên phải chấp nhận mà để chúng ta có ý thức rõ ràng về nguy cơ tiềm tàng của nó đồng thời có các giải pháp “ngăn chặn và từng bước đẩy lùi” tệ nạn này

Cùng với sự phát triển của các hình thái nhà nước, đặc biệt là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, các quan hệ chính trị - kinh tế tạo ra những tiền đề khách quan quan trọng làm cho tham nhũng phát triển. Lợi ích là yếu tố chủ quan dẫn đến tham nhũng. Khi còn điều kiện để lợi ích kết hợp với sự lạm quyền của những người có chức vụ, quyền hạn thì vẫn còn có khả năng xảy ra tham nhũng.

Có nhiều nguyên nhân và điều kiện phát sinh tham nhũng, trong đó có những nguyên nhân, điều kiện cơ bản sau:

1. Nguyên nhân và điều kiện khách quan

a) Việt Nam là nước đang phát triển, trình độ quản lý còn lạc hậu, mức sống thấp, pháp luật chưa hoàn thiện

Thực tế cho thấy, tham nhũng thường xuất hiện ở những nước chậm phát triển hoặc đang phát triển. Xuất phát từ chức

năng, nhiệm vụ của mình, Nhà nước đại diện cho xã hội quản lý mọi mặt của đời sống. Nếu Nhà nước quản lý xã hội lỏng lẻo sẽ tạo ra các kẽ hở cho tệ tham nhũng nảy sinh và phát triển.

Qua gần 20 năm đổi mới, mặc dù chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể nhưng trình độ quản lý còn lạc hậu, mức sống thấp. Vì vậy, nạn tham nhũng có điều kiện xảy ra phổ biến trong nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, nhiều cấp.

b) Quá trình chuyển đổi cơ chế, tồn tại và đan xen giữa cái mới và cái cũ

Quá trình chuyển đổi đòi hỏi phải có thời gian, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Cơ chế cũ bị thay thế nhưng nếp nghĩ, thói quen thì vẫn còn. Trong khi đó, cơ chế mới hình thành còn sơ khai ngay trong nhận thức nên quá trình thực hiện không tránh khỏi lúng túng. Các chuẩn mực đánh giá không rõ ràng; vì thế không ít đối tượng lợi dụng danh nghĩa đổi mới, năng động, sáng tạo để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, lợi dụng chủ trương xã hội hoá một số lĩnh vực để "thương mại hoá", thu lợi ích tối đa cho cá nhân hoặc một nhóm người, hoặc có thể là một cơ quan, đơn vị hay một địa phương. Tình trạng không rõ ràng trong cơ chế quản lý trên một số lĩnh vực là điều kiện cho nạn tham nhũng phát triển. Không ít cá nhân, tập thể có lúc được biểu dương như điển hình của sự năng động, dám nghĩ dám làm, thậm chí được tôn vinh, nhưng sau một thời gian lại bị phát hiện và xử lý vì có hành vi tiêu cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lợi dụng sơ hở của cơ chế quản lý để tham nhũng, vụ lợi cá nhân.

c) Ảnh hưởng của mặt trái của cơ chế thị trường

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, chúng ta đã áp dụng việc quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đã đạt được những thành tích cơ bản, đáng tự hào. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, cơ chế thị trường đã bộc lộ nhiều nhược điểm. Đó là sự cạnh tranh khốc liệt, sự chi phối của lợi ích vật chất làm cho người sản xuất, kinh doanh có xu hướng tối đa hoá lợi nhuận bằng mọi giá, tìm cách hối lộ công chức nhà nước để tạo lợi thế trong kinh doanh. Trong xã hội, sự phân hoá giàu nghèo ngày càng rõ rệt, có những giá trị xã hội bị đảo lộn, việc kiểm soát nhiều tiền đôi lúc đã trở thành sức ép, làm xuất hiện tâm lý mọi việc đều có thể mua bán. Những nghiên cứu gần đây cho thấy tác hại to lớn của những yếu tố tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường đã đến mức báo động. Chính điều này đã góp phần làm gia tăng tệ tham nhũng thông qua việc thúc đẩy các hành vi phạm pháp của cán bộ, công chức, ganh đua làm giàu phi pháp, đục khoét tiền của Nhà nước và nhân dân.

d) Do ảnh hưởng của tập quán văn hoá

Tập quán văn hoá của người á Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng có rất nhiều điều kiện khiến cho tệ tham nhũng, mà biểu hiện tập trung nhất là nạn quà cáp hối lộ, có cơ sở tồn tại và phát triển. Chuyện biếu quà được coi là một nét văn hoá của người Việt Nam nhưng hiện nay nhiều nét văn hoá của người Việt như “miếng trầu là đầu câu chuyện”, “ăn quả nhớ người trồng cây”... đã và đang bị lợi dụng để thực hiện

hành vi tham nhũng.

2. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

a) Hệ thống chính trị chậm được đổi mới, hoạt động của bộ máy nhà nước kém hiệu quả

Đây là một trong những nguyên nhân gây nên sự yếu kém và bất cập của quá trình đổi mới đất nước, trong đó có tham nhũng. Một quốc gia quản lý tốt phải có bộ máy nhà nước tốt. Ở nước ta, sự quản lý, lãnh đạo, điều hành đất nước là sự thống nhất và phối hợp giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, trách nhiệm quản lý của Nhà nước và sự tham gia tích cực, có hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng. Các yếu tố trong hệ thống chính trị phải thực hiện đúng vai trò của mình. Tuy nhiên, sự chưa rõ ràng trong phân cấp, phân công vai trò, chức năng, hoạt động giữa các yếu tố trong hệ thống chính trị vẫn đã phần nào làm giảm hiệu quả lãnh đạo, quản lý, điều hành xã hội. Một số nơi, tổ chức đảng đã ít nhiều can thiệp vào hoạt động quản lý, cơ quan nhà nước còn ỷ lại, thụ động chưa làm hết trách nhiệm của mình. Một số tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể quần chúng lúng túng, không xác định được vai trò của mình cũng như chương trình hoạt động cho phù hợp. Về nguyên tắc, Đảng lãnh đạo thông qua chủ trương, đường lối và công tác cán bộ, Nhà nước quản lý bằng chính sách, pháp luật, còn các tổ chức, đoàn thể phải động viên nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội thông qua tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục động viên. Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn còn tồn tại hiện tượng chông chéo lẫn lộn về tổ chức và hoạt động của các yếu tố trong hệ thống chính

trị nước ta.

b) Phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái; công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên còn yếu kém

Trước tác động của mặt trái của cơ chế thị trường, nhiều cán bộ, đảng viên do không tự giác rèn luyện, tu dưỡng đã có những hành vi phạm pháp, không giữ được đạo đức “cần, kiệm, liêm, chính”. Có thể thấy rõ sự đi xuống về đạo đức, phẩm chất chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên qua đánh giá trong các văn kiện của Đảng. Tháng 6-1996, Đại hội Đảng lần thứ VIII chỉ rõ: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức lối sống”¹. Tháng 6-1997, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII nhận định: “một bộ phận cán bộ thoái hoá, biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, lãng phí của công, quan liêu, ức hiếp dân, gia trưởng, độc đoán”, “đáng chú ý là những biểu hiện tiêu cực này có chiều hướng phát triển làm xói mòn bản chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, công chức, làm suy giảm uy tín của Đảng, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với chế độ”¹.

Tháng 1-1999, Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.137.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.68.

Trung ương Đảng khoá VIII nhận định: “Sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn”¹...

Ngày 21-8-2006, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X nhận định: “Công tác cán bộ nói chung và việc quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nói riêng còn nhiều yếu kém. Một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống. Không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành, kể cả cán bộ lãnh đạo cao cấp, còn thiếu gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất đạo đức; chưa đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm”.

c) Chính sách pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán

Sự nghiệp đổi mới mà trọng tâm là đổi mới quản lý kinh tế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đặt ra yêu cầu hết sức quan trọng là phải xây dựng một hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật đầy đủ, từng bước hoàn thiện. Trong khi đó, mặc dù chúng ta đã có rất nhiều cố gắng nhưng việc xây dựng thể chế pháp luật vẫn không đáp ứng được nhu cầu, chưa phản ánh và điều chỉnh kịp thời những vấn đề đang

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Khoá VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, 1999, tr.24.

đặt ra trong quá trình phát triển.

Cơ chế, chính sách, pháp luật trong thời kỳ đổi mới chưa hoàn thiện, thiếu cụ thể, có nhiều sơ hở và thậm chí có những vấn đề thiếu nhất quán. Việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, phân biệt quản lý nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh có phần chưa rõ. Quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm chạp và thiếu sự kiểm soát chặt chẽ. Cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn và tài sản trong doanh nghiệp nhà nước còn lỏng lẻo.

d) Cải cách hành chính vẫn còn chậm và lúng túng, cơ chế “xin - cho” trong hoạt động công vụ còn phổ biến; thủ tục hành chính phiền hà, nặng nề, bất hợp lý

Cơ chế “xin - cho” được nhìn nhận là một trong những nguy cơ của tệ tham nhũng, hối lộ mà cho đến nay vẫn chưa có cách khắc phục. Chế độ công vụ của cán bộ, công chức mới bắt đầu được quan tâm xây dựng, hiện tại còn thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát có hiệu quả. Chế độ, trách nhiệm của cán bộ, công chức chưa rõ ràng, cụ thể, đặc biệt là trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo đối với những sai phạm, tiêu cực xảy ra trong cơ quan, đơn vị mình. Chế độ tiền lương đối với đội ngũ cán bộ, công chức còn bất hợp lý, chậm được cải cách. Lương không đủ đảm bảo nhu cầu của cuộc sống cho cán bộ, công chức dẫn đến tình trạng vì cuộc sống của bản thân và gia đình, cán bộ, công chức thực hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực khi có điều kiện, cơ hội. Công tác quản lý đất đai còn nhiều yếu kém, việc đăng ký quyền sử dụng đất, cấp đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển giao quyền sử dụng đất, v.v., còn nhiều kẽ hở, tạo điều kiện cho tiêu

cực, sai phạm nảy sinh. Cơ chế quản lý tài chính công, mua sắm công, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phải trải qua nhiều khâu, nhiều “cửa”. Trình tự, thủ tục này tưởng như chặt chẽ nhưng trên thực tế, cơ chế kiểm soát lại rất lỏng lẻo, tạo điều kiện cho tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, thất thoát. Việc đổi mới phương thức thanh toán còn chậm làm cho việc kiểm soát và phát hiện được các giao dịch phi pháp gặp nhiều khó khăn.

Việc kiểm soát và minh bạch hoá thu nhập và tài sản của cán bộ, công chức còn gặp nhiều khó khăn và chưa đạt kết quả mong muốn. Chế định kê khai tài sản đối với cán bộ, công chức đã được áp dụng nhưng chỉ mang tính hình thức, một phần là do chế độ quản lý tiền tệ và thanh toán qua ngân hàng còn chưa hiệu quả; mặt khác, việc quản lý tài sản, đặc biệt là nhà đất ở nước ta, vì nhiều lý do, hầu như không thực hiện được. Bên cạnh đó, việc không có cơ quan chủ trì, tổng hợp, kiểm tra, xử lý, và không có các quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức trong vấn đề kê khai tài sản đã dẫn đến sự thực thi không triệt để các quy định về kê khai tài sản, mặc dù đây là một chủ trương đúng đắn, tích cực được xã hội đồng tình, ủng hộ.

e) Sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng, chống tham nhũng trong một số trường hợp chưa chặt chẽ, sâu sát, thường xuyên; xử lý chưa nghiêm đối với hành vi tham nhũng

Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, văn bản quy phạm pháp luật về đấu tranh chống tham nhũng tuy nhiên việc tổ chức thực hiện trên thực tế còn nhiều hạn chế. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng và cơ quan

nhà nước, đơn vị sự nghiệp chưa đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, chưa có kế hoạch, giải pháp đề tích cực phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, ngành mình. Công tác ngăn ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng tuy đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Một số vụ án tham nhũng lớn đã được phát hiện và đưa ra xét xử nghiêm minh, tạo nên sự tin tưởng của nhân dân. Tuy nhiên, dư luận vẫn băn khoăn đối với việc xử lý một số vụ án. Đây là những vấn đề làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả, hiệu lực của cuộc đấu tranh chống tham nhũng những năm qua.

f) Chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan nhà nước trong đấu tranh chống tham nhũng chưa rõ ràng, thậm chí chồng chéo, thiếu một cơ chế phối hợp cụ thể, hữu hiệu

Trước đây, việc thành lập các ban công tác chống tham nhũng tại các tỉnh, thành, và các bộ, ngành sau khi có Quyết định 240 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng và Ban Công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu của Chính phủ (thành lập theo Quyết định số 35/TTg ngày 19-1-1996 của Thủ tướng Chính phủ) đã mang lại được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, hoạt động của các đơn vị này chưa đạt được kết quả như mong muốn. Các quy định về phòng, chống tham nhũng khi đó chưa đầy đủ và chưa được thực hiện nghiêm túc, thiếu một cơ quan có trách nhiệm làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

Để khắc phục tình trạng trên, sau khi *Luật phòng, chống*

tham nhũng năm 2005 được ban hành, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ra Nghị quyết số 1039/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 28-8-2006 về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Nghị quyết số 294A/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 27-9-2007 về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của ban chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 13/2007/QĐ-TTg ngày 24-01-2007 về việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và quy chế hoạt động của Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng. Các cơ quan bảo vệ pháp luật như Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã thành lập những đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng.

g) Thiếu các công cụ phát hiện và xử lý tham nhũng hữu hiệu

Những năm qua, hoạt động điều tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đã thu được một số kết quả tích cực nhưng trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Cơ chế phối hợp của các cơ quan nói trên còn có những hạn chế; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan trong cuộc đấu tranh chung còn chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến tình trạng lẫn lộn, chồng chéo, thiếu hiệu quả trong hoạt động phát hiện và xử lý tham nhũng.

Về pháp luật, chúng ta chưa có những quy định cho phép các cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp đặc biệt để có thể

phát hiện các hành vi tham nhũng nên hiệu quả phát hiện tham nhũng chưa cao. Tham nhũng là một loại tội phạm đặc biệt, chủ thể của nó là những người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ, thực hiện hành vi tham nhũng rất tinh vi, khó phát hiện và trong nhiều trường hợp kẻ vi phạm dùng nhiều thủ đoạn, kể cả dưới danh nghĩa nhà nước để cản trở việc điều tra và truy cứu trách nhiệm. Đặc biệt, việc thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội tham nhũng là cực kỳ khó khăn, nhất là đối với hành vi nhận hối lộ. Các cơ quan tiến hành tố tụng khó khăn trong việc quy trách nhiệm hoặc buộc phải kết luận hành vi sai phạm của họ là “cố ý làm trái...” hoặc “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Đó là những hành vi không bị coi là tham nhũng và có mức xử lý nhẹ hơn hành vi tham nhũng.

h) Việc huy động lực lượng đông đảo của nhân dân cũng như sự tham gia của lực lượng báo chí vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng còn chưa được quan tâm đúng mức

Báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát hiện và đấu tranh chống những hành vi vi phạm trong hoạt động của bộ máy nhà nước, nhất là tệ tham nhũng. Báo chí vừa có tác dụng cảnh báo những nơi có nguy cơ tham nhũng, vừa tham gia phát hiện và đặc biệt là tạo nên dư luận mạnh mẽ đòi xử lý tham nhũng. Đây là kinh nghiệm chung của các nước trên thế giới.

Mấy năm qua, báo chí ở nước ta đã phát huy vai trò nhất định của mình trong đấu tranh chống tham nhũng nhưng nhìn chung sự đóng góp của báo chí đối với công tác đấu tranh chống tham nhũng vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân bắt

nguồn từ phía các cơ quan quản lý nhà nước và từ bản thân cơ quan báo chí, nhất là sự phối hợp giữa hai cơ quan này. Vì những lý do khác nhau mà một số cơ quan nhà nước còn e ngại trước sự tham gia của báo chí, hoặc là vì bản thân sự thông tin đôi khi không chính xác hoặc không đúng thời điểm đã gây khó khăn cho việc phát hiện và xử lý triệt để các vụ việc tham nhũng. Thêm nữa, báo chí mới chỉ đấu tranh chống tham nhũng bằng việc phê phán những hành vi tiêu cực mà chưa coi trọng việc truyền đạt kịp thời những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, những gương người tốt, việc tốt, sáng kiến hay, những hoạt động lành mạnh, những thông tin tích cực, biểu dương và cổ vũ, động viên đến toàn xã hội để tạo môi trường tốt cho sự phát triển, để cái tốt lấn át cái xấu, để tham nhũng dần dần không có chỗ trong các tiêu chí chuẩn mực và trong các quan hệ xã hội. Đây có thể coi là một hạn chế không nhỏ trong hoạt động báo chí hiện nay với tư cách là công cụ của Đảng và nhân dân trong đấu tranh chống tham nhũng.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về tham nhũng và đấu tranh chống tham nhũng mặc dù đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhưng chưa tạo ra một sự chuyển biến tích cực trong ý thức xã hội trong việc phản ứng với tệ nạn tham nhũng cũng như đề cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

III- TÁC HẠI CỦA THAM NHƯNG

Tham nhũng có thể gây ra rất nhiều hậu quả nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có thể khái quát những tác hại chủ yếu của tham nhũng ở những điểm chính sau:

1. Tác hại về chính trị

Tham nhũng là trở lực lớn đối với quá trình đổi mới đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Tinh thần đổi mới đất nước một cách toàn diện đã mang đến cho đất nước ta thế và lực mới. Những điều chỉnh đúng đắn về chiến lược và sách lược đã phát huy tác dụng của nó và tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng lại là một trở lực lớn đối với quá trình này. Quan điểm và tư duy đổi mới cùng với cơ chế, pháp luật đúng đắn, phù hợp đã bị tệ tham nhũng làm cho méo mó. Đối tượng tham nhũng đã lợi dụng sự thông thoáng của cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng. Ngược lại, kẻ tham nhũng lại lợi dụng yêu cầu tăng cường kiểm tra, giám sát và các biện pháp khác để dọa dẫm, đòi hỏi lộ của các đối tượng bị thanh tra, kiểm tra. Cơ chế, chính sách đã trở thành công cụ để thực hiện những lợi ích cá nhân.

Trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, tham nhũng sẽ làm nản lòng các nhà đầu tư nếu chúng ta không có biện pháp kịp thời ngăn chặn và đẩy lùi mặc dù Việt Nam được coi là quốc gia ổn định, an toàn về chính trị, xã hội. Nhìn vào những thành quả của việc đổi mới có thể nhận thấy chủ trương, đường lối, chính sách

của Đảng luôn đúng đắn, kiên quyết và mạnh mẽ nhưng khi thực hiện thì bị cản trở rất nhiều do người thực hiện xuất phát từ mưu lợi cá nhân. Mặc dù cải cách hành chính tiến bộ bước đầu nhưng cho đến nay, cần thừa nhận rằng, tính phục vụ và tính công tâm nhìn chung vẫn còn là một điều xa lạ của nền hành chính nước ta. Pháp luật về doanh nghiệp và kinh doanh của chúng ta đã được sửa đổi, bổ sung tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng, cởi mở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sản xuất, kinh doanh nhưng trên thực tế các doanh nghiệp vẫn gặp rất nhiều khó khăn. *Luật đất đai* thường xuyên được sửa đổi, bổ sung nhưng trong quá trình thực hiện vẫn xảy ra rất nhiều vi phạm; chính sách ưu tiên cho con em dân tộc miền núi trong quá trình cử tuyển vào đại học, xét tuyển vào làm công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước đã bị biến thành đặc quyền, đặc lợi của con cháu những người có chức, có quyền hoặc của những kẻ có tiền, chính sách thưởng điểm cho học sinh giỏi khi thi vào đại học bị lợi dụng và trở thành cơ hội cho nạn mua bán điểm hoạt động...

Hiện nay, tình hình tham nhũng ở nước ta đã ở mức nghiêm trọng, đáng báo động. Tham nhũng không chỉ xảy ra ở cấp Trung ương, ở những chương trình, dự án lớn mà còn xuất hiện nhiều trong các cấp chính quyền cơ sở - là cơ quan tiếp xúc với nhân dân hằng ngày, giải quyết những công việc liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân. Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX chỉ rõ: "... Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ

phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng...”¹.

“Tham nhũng lớn” bị phát hiện ngày càng tăng về số lượng, mức độ thiệt hại, thất thoát. Đi cùng với nó, nhiều vụ “tham nhũng nhỏ” diễn ra công khai. Điều đó làm giảm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, gây ra sự bất bình, bức xúc, thậm chí phản ứng của nhân dân đối với chính quyền.

Tác hại nguy hiểm của tệ tham nhũng, lãng phí gây ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của việc thực hiện chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội hoặc một nhiệm vụ quản lý nhất định của Nhà nước. Tổng quát hơn, sự nghiệp cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Nhân dân chính là động lực, chủ thể, mục đích của cách mạng. Để nhân dân mất niềm tin, tức là chúng ta đã đánh mất một sức mạnh vô cùng to lớn, thậm chí có tính chất quyết định đối với sự nghiệp cách mạng. Năm 1992, tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, đã nêu: “Tệ tham nhũng, hối lộ, ăn chơi phung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài. Những hiện tượng đó gây tác hại rất lớn, làm tổn hại thanh danh của Đảng”¹. Tháng 1-1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đánh giá lại: “Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy của

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004, tr.188.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương khoá VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, 1992, tr.26.

Đảng và Nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn”¹. Tháng 4-2001, Đại hội Đảng lần thứ IX lại tiếp tục khẳng định: “Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân”². “Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài, gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta”³. Nghị quyết số 14 ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị về *lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng* đã nêu khái quát tác hại của tệ tham nhũng như sau: “Tình trạng tham nhũng đã và đang gây ra hậu quả hết sức nghiêm trọng, làm xói mòn bản chất của Đảng và Nhà nước, làm tha hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên, tiếp tay cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá ta, uy hiếp sự tồn vong của chế độ”⁴. Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 21-8-2006 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí* tiếp tục nhấn mạnh: “Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.68.

². Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2001, tr.50.

³. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.67.

⁴. Ban Nội chính Trung ương: *Một số văn bản của Đảng về phòng chống tham nhũng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.204-205.

cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta”.

Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 tiếp tục khẳng định: Tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội, làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo. Tham nhũng trở thành vật cản lớn cho thành công của công cuộc đổi mới, cho sức chiến đấu của Đảng, đe dọa sự tồn vong của chế độ.

2. Tác hại về kinh tế

Tham nhũng gây thiệt hại rất lớn về tài sản của Nhà nước, của tập thể và của công dân.

Ở nước ta, trong thời gian qua, nạn tham nhũng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, tiền của, thời gian, công sức của nhân dân. Hàng loạt vụ tham nhũng lớn, nghiêm trọng đã bị phát hiện như: vụ Dệt Nam Định, vụ Tamexco, vụ EPCO Minh Phụng, vụ Mường Tè, vụ Lã Thị Kim Oanh, vụ việc ăn hối lộ trong đường dây chạy Quota dệt may, vụ điện kế điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh... Giá trị tài sản bị thiệt hại, bị thất thoát liên quan tới tham nhũng của mỗi vụ lên tới hàng chục, hàng trăm, thậm chí

là hàng ngàn tỉ đồng. Đó là những con số lớn và đáng lo ngại so với số thu ngân sách hằng năm của nước ta. Trong điều kiện là một nước đang phát triển, mọi nguồn lực cần phải huy động tối đa cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời phải nỗ lực cho việc xoá đói, giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội khác thì việc lãng phí, thất thoát tài sản, tiền của, thời gian, công sức do tham nhũng cần được coi là một thứ tội ác phải đấu tranh và xử lý mạnh mẽ.

Với động cơ vụ lợi, một số người đã lợi dụng vị trí của mình trong bộ máy nhà nước hoặc lợi dụng những quyền hạn nhất định được pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho để thực hiện các hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc các lợi ích khác của Nhà nước, của tập thể hoặc cá nhân. Hậu quả của hành vi tham nhũng không chỉ là việc tài sản, lợi ích của Nhà nước, của tập thể hoặc của cá nhân bị biến thành tài sản riêng của người thực hiện hành vi tham nhũng, mà nguy hiểm hơn, hành vi tham nhũng còn gây thiệt hại, gây thất thoát, lãng phí một lượng lớn tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân. Vì lợi ích cá nhân mà những kẻ tham nhũng sẵn sàng nhập cả một dây chuyền sản xuất đã lạc hậu hay một con tàu mua về chỉ có thể bán sắt vụn, những công trình xây dựng chưa sử dụng đã hư hỏng...

Ở mức độ thấp hơn, việc một số cán bộ, công chức quan liêu, sách nhiễu đối với nhân dân trong khi thực thi công vụ, lạm dụng quyền hạn trong khi thi hành công vụ khiến cho nhân dân phải mất rất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc để có thể thực hiện được công việc của mình như xin cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận, hoặc các loại giấy tờ khác. Nếu xét từng

trường hợp một thì giá trị vật chất bị lãng phí có thể không quá lớn, nhưng nếu tổng hợp những vụ việc diễn ra thường xuyên, liên tục trong cuộc sống hằng ngày thì con số bị thất thoát đã ở mức độ nghiêm trọng.

3. Tác hại về xã hội

Tham nhũng xâm phạm, thậm chí làm thay đổi, đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hoá đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

Trước những lợi ích bất chính đã hoặc sẽ có được khi thực hiện hành vi tham nhũng, nhiều cán bộ, công chức đã không giữ được phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng. Cán bộ, công chức khi thực hiện hành vi tham nhũng đã không còn làm việc vì mục đích phục vụ sự nghiệp cách mạng, phục vụ nhân dân mà hướng tới việc thu được các lợi ích bất chính, bất chấp việc vi phạm pháp luật, làm trái công vụ, trái lương tâm, đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, tham nhũng không chỉ phát sinh ở trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai... mà còn có xu hướng lan sang các lĩnh vực mà từ trước tới nay ít có khả năng xảy ra tham nhũng như: văn hoá, y tế, giáo dục, thể dục, thể thao. Hành vi tham nhũng còn xảy ra trong một số chương trình trợ cấp cho thương binh, liệt sĩ, các gia đình chính sách; tham nhũng cả tiền, hàng hoá cứu trợ cho đồng bào gặp thiên tai; tham nhũng trong cả xét duyệt công nhận di tích lịch sử, văn hoá, thi đua khen thưởng. Tham nhũng còn xảy ra ở một số cơ quan bảo vệ pháp luật, những cơ quan đại diện cho công lý và công bằng xã hội.

Điều đáng báo động là một số cán bộ, công chức coi việc tham nhũng trở thành bình thường. Họ cho rằng, đối tượng quản lý đương nhiên phải "bồi dưỡng" khi muốn thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của người cán bộ, công chức. Đó chính là biểu hiện của sự suy thoái, xuống cấp về đạo đức một cách nghiêm trọng. Hơn thế, tham nhũng còn xâm phạm những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, khi người thực hiện hành vi tham nhũng có khi là giáo viên, bác sĩ, những người hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội - những người xây dựng nền tảng tinh thần cho xã hội.

Chương II

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Từ trước đến nay, Đảng ta đã ban hành rất nhiều chỉ thị, nghị quyết để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nghị quyết số 14/NQ/TW ngày 15-5-1996 về quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp để đấu tranh chống tham nhũng của Bộ Chính trị khóa VII đã chỉ rõ: Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay. Nó góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền dân chủ của nhân dân... Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền và phục vụ cho đổi mới kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chống tham nhũng là cuộc đấu tranh hết sức phức tạp, đòi

hỏi có sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng, quan điểm, nguyên tắc xây dựng *Luật phòng, chống tham nhũng* chủ yếu dựa trên các quan điểm lớn đã được chỉ ra tại Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 15-5-1996 và trong một số văn kiện khác của Đảng như sau:

- Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn chặt với đổi mới kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đại đoàn kết toàn dân;

- Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền và phục vụ cho đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Đảng và kiện toàn, tăng cường đoàn kết nội bộ;

- Chống tham nhũng phải gắn liền với chống quan liêu, lãng phí;

- Đấu tranh chống tham nhũng phải kết hợp giữa xây, phòng và chống. Vừa tích cực phòng ngừa, vừa xử lý nghiêm mọi hành vi tham nhũng;

- Đẩy mạnh phòng và chống tham nhũng một cách chủ động, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện chống tham nhũng ở mọi cấp, mọi ngành;

- Đấu tranh chống tham nhũng là nhiệm vụ lâu dài, phải tiến hành kiên quyết, kiên trì và thận trọng, không nóng vội, không chủ quan; phải có kế hoạch cụ thể, có bước đi vững chắc; sử dụng nhiều biện pháp, trong đó lấy giáo dục làm cơ sở, lấy pháp chế làm đảm bảo.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, trong đó xác định: “Đấu tranh

phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”¹. Đại hội yêu cầu: “Thành lập các ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng trung ương và địa phương đủ mạnh, có thực quyền, hoạt động có hiệu quả”².

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ra Nghị quyết *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*. Đây là Nghị quyết đầu tiên của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề cập một cách toàn diện, tập trung về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nghị quyết Trung ương 3 khóa X đã đưa ra những nhận định, đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu của những thiếu sót, khuyết điểm trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đề ra những mục tiêu, quan điểm chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được nêu trong Nghị quyết Trung ương 3 khóa X là: “Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính”.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, Nghị quyết đã đề ra 10 chủ

¹, ². Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 286-287, 289.

trương, giải pháp như sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng. Đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải nêu gương về đạo đức, lối sống và kiên quyết chống tham nhũng.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục. Mở chuyên mục tuyên truyền, giáo dục về vấn đề này trên các báo, đài. Bảo vệ, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng.

Hai là, nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường vai trò của chi bộ đảng trong quản lý, giáo dục đảng viên.

Chi bộ đảng phải nắm chắc việc thực hiện nhiệm vụ và quan hệ xã hội của đảng viên trong chi bộ, giáo dục, nhắc nhở và kịp thời kiểm tra, xử lý những trường hợp có dấu hiệu vi phạm, không được dung túng, bao che tham nhũng.

Nâng cao tính chiến đấu, thực hiện dân chủ, công khai trong tự phê bình và phê bình theo phương châm "trên trước, dưới sau, trong trước, ngoài sau". Trong sinh hoạt đảng và nhận xét, đánh giá đảng viên hằng năm, phải có nội dung về phòng, chống tham nhũng. Hằng năm, cán bộ chủ chốt cấp xã phải trực tiếp tự phê bình và phê bình tại hội nghị đại diện nhân dân do Mặt trận Tổ quốc tổ chức. Xây dựng và thực hiện cơ chế chất vấn trong sinh hoạt đảng.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện công tác cán bộ phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

Sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác cán bộ, bảo đảm công khai, dân chủ; chấn chỉnh công tác thi tuyển, tiếp nhận cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm túc việc chuyển đổi vị trí công tác trong hệ thống chính trị và việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng.

Xây dựng lộ trình cải cách tiền lương trong những năm tới theo hướng tăng thu nhập cao hơn cho cán bộ, công chức. Bảo đảm minh bạch tài sản, thu nhập của đảng viên, cán bộ, công chức; đảng viên là cán bộ, công chức thuộc diện kê khai tài sản phải công bố bản kê khai trong chi bộ, là cấp ủy viên thì còn phải công khai trong cấp ủy. Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm sự liêm chính của đảng viên, cán bộ, công chức. Rà soát, sửa đổi và bổ sung Quy định những điều đảng viên không được làm; công bố công khai để nhân dân giám sát.

Bốn là, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch; bổ sung quy định bảo đảm minh bạch quá trình ra quyết định, bao gồm cả chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và quyết định giải quyết một vụ việc cụ thể của cơ quan nhà nước các cấp. Xem xét, sửa đổi các danh mục bí mật nhà nước nhằm mở rộng công khai. Hoàn thiện, công khai hóa và thực hiện đúng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng lao động, ngân sách và tài sản công. Nghiên cứu ban hành *Luật bảo đảm quyền được thông tin của công dân*.

Năm là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế - xã hội.

Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý và sử dụng đất đai, công sở. Chấn chỉnh, bảo đảm công khai, minh bạch trong quy hoạch và quản lý, sử dụng đất đai, công sở. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tài chính về đất đai, đăng ký bất động sản.

Chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và hoạt động mua sắm công. Công khai, minh bạch trong quyết định, chủ trương đầu tư. Công khai, minh bạch hoạt động mua sắm công, kể cả việc công khai hóa các khoản hoa hồng từ mua sắm. Thực hiện thí điểm mô hình mua sắm công tập trung.

Chấn chỉnh công tác thu, chi ngân sách. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu ngân sách, trang bị tài sản, phương tiện đi lại, thiết bị làm việc. Tăng cường quản lý vốn, tài sản nhà nước và nhân sự tại doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Sáu là, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng.

Tập trung kiểm tra, thanh tra, kiểm toán một số lĩnh vực trọng điểm như: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thu, chi ngân sách, quản lý tài sản công và hệ thống ngân hàng thương mại.

Nghiên cứu tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng theo hướng bảo đảm sự độc lập cần thiết với các cơ quan quản lý nhà nước theo cấp lãnh thổ và sự chỉ đạo tập trung, thống

nhất của Trung ương. Tăng cường cán bộ cho các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, tòa án và kiểm tra của Đảng, đồng thời kiểm soát hoạt động của các cơ quan này.

Người có hành vi tham nhũng phải bị xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh về trách nhiệm chính trị, hành chính hoặc hình sự, bất kể người đó là ai và ở cương vị nào. Chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, áp dụng chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội nhưng có thái độ thành khẩn, đã bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả kinh tế, hợp tác tốt với cơ quan chức năng. Trừng trị nghiêm khắc những đối tượng tham nhũng có tổ chức, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Bây là, thực hiện tốt công tác truyền thông về phòng, chống tham nhũng.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng; khen thưởng, động viên những người làm báo tích cực, dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng; xử lý nghiêm việc đưa tin sai sự thật, vu cáo, bịa đặt gây hậu quả xấu.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các cơ quan chức năng phải chủ động cung cấp cho công chúng những thông tin có liên quan đến tham nhũng.

Tám là, xây dựng, kiện toàn các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng được thành lập theo Luật phòng, chống tham nhũng.

Chín là, tăng cường giám sát của nhân dân và cơ quan dân cử.

Hàng năm, Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp nghe báo cáo và thảo luận, chất vấn về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả của thanh tra nhân dân.

Mười là, tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Chủ động tham gia các chương trình, sáng kiến, diễn đàn quốc tế về phòng, chống tham nhũng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Thực hiện các cam kết quốc tế về phòng, chống tham nhũng, chú trọng tới các cam kết về xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch.

Cụ thể hoá Nghị quyết của Đảng, Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 đã đề ra quan điểm về phòng, chống tham nhũng như sau:

- Phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, nhấn mạnh trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đề cao vai trò của xã hội, các tổ chức, đoàn thể và quần chúng nhân dân.

- Phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài, xuyên suốt quá trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

- Sử dụng tổng thể các giải pháp phòng, chống tham nhũng; vừa tích cực, chủ động trong phòng ngừa, vừa kiên quyết trong phát hiện, xử lý với những bước đi vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, trong đó phòng ngừa là cơ bản, lâu dài; gắn phòng, chống tham nhũng với thực hành tiết kiệm, chống quan liêu,

lãng phí.

- Xây dựng lực lượng chuyên trách đủ mạnh, có phẩm chất chính trị, bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp làm nòng cốt trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng theo hướng chuyên môn hóa với các phương tiện, công cụ, kỹ năng phù hợp, bảo đảm vừa chuyên sâu, vừa bao quát các lĩnh vực, các mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

- Đặt quá trình phòng, chống tham nhũng trong điều kiện hội nhập, chủ động hợp tác hiệu quả với các quốc gia, các tổ chức quốc tế; chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Chiến lược phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 cũng xác định mục tiêu chung và năm nhóm mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu chung:

Ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, loại bỏ dần các cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính; lành mạnh hóa các quan hệ xã hội thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; củng cố lòng tin của nhân dân và cộng đồng quốc tế, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển;

- Mục tiêu cụ thể:

- + Ngăn chặn, làm triệt tiêu các điều kiện và cơ hội phát sinh tham nhũng trong việc hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật, nhất là trong quá trình ban hành và tổ chức thi hành các văn bản áp dụng pháp luật.

- + Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền lực nhà

nước, ngăn ngừa việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi trên cơ sở xây dựng nền công vụ hiệu quả, minh bạch, phục vụ nhân dân và xã hội, với đội ngũ cán bộ, công chức trung trực, công tâm, liêm khiết, tận tụy, chuyên nghiệp và được trả lương hợp lý; các chuẩn mực đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp được củng cố và phát triển.

+ Hoàn thiện thể chế, tạo lập môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch nhằm thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; từng bước xóa bỏ tệ hối lộ trong quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và trong giao dịch thương mại.

+ Tính trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, sức chiến đấu và hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng được nâng cao, giữ vai trò nòng cốt trong phát hiện và xử lý tham nhũng.

Chính sách xử lý đối với tham nhũng, đặc biệt là chính sách hình sự, chính sách tổ tụng hình sự tiếp tục được hoàn thiện; hệ thống đo lường, giám sát tham nhũng được thiết lập.

+ Nâng cao nhận thức, vai trò của xã hội về tham nhũng, về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng; thúc đẩy sự tham gia chủ động của các tổ chức, đoàn thể xã hội, các phương tiện truyền thông và mọi công dân trong nỗ lực phòng, chống tham nhũng; xây dựng văn hóa và tạo ra thói quen phòng, chống tham nhũng trong đời sống của cán bộ, công chức và trong các tầng lớp nhân dân.

II- TƯ TƯỞNG CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ THAM NHŨNG VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG

Nghiên cứu tham nhũng và công tác đấu tranh chống tham nhũng, chúng ta không thể không nghiên cứu những quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng của Người về một nhà nước của dân, do dân, vì dân là nền tảng cốt lõi cho việc xây dựng một nhà nước dân chủ, chính vì vậy, Người có thái độ hết sức nghiêm khắc đối với "tệ tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu"; Người thường xuyên giáo dục toàn Đảng, toàn dân đấu tranh không khoan nhượng đối với tệ nạn này. Những lời dạy của Người vừa sâu sắc, toàn diện vừa căn bản lâu dài; vừa có tính khái quát, vừa cụ thể, dễ hiểu, luôn giữ được tính thời sự và còn nguyên giá trị, là kim chỉ nam hướng dẫn chúng ta trong cuộc đấu tranh với tệ nạn tham nhũng trong tình hình hiện nay.

1. Quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về tham nhũng

a) Quan niệm về tham nhũng, lãng phí

Chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu là mối quan tâm lớn, thường xuyên của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí là tội lỗi tệ nhất trong xã hội. Hồ Chí Minh chỉ rõ bản chất của tham ô: là lấy của công làm của tư, là gian lận tham lam, tham ô là trộm cướp. Hồ Chí Minh nêu ra một khái niệm khái quát, làm rõ bản chất tham ô:

“Tham ô là gì?”

- Đứng về phía *cán bộ* mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công làm của tư

Đục khoét của nhân dân

Ăn bớt của bộ đội.

Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình, cũng là tham ô.

- Đứng về phía *nhân dân* mà nói, tham ô là:

Ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế”¹.

Theo Hồ Chí Minh, đặc trưng của hành vi tham ô là biến "của công" thành "của tư". "Của công" chính là tài sản của nhân dân, do nhân dân đóng góp, phục vụ mục đích chung là giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. "Của công" thành "của tư" tức là tài sản chung khi không nhằm phục vụ mục đích chung mà chỉ dành làm của riêng, quỹ riêng cho một tập thể, một địa phương.

Bất cứ hành vi lấy "của công" làm "của tư" nào cũng đều bị Hồ Chí Minh coi là hành vi tham ô. Đây chính là hành vi tham ô hiểu theo nghĩa rộng. Theo nghĩa này, chủ thể của hành vi tham ô không chỉ là cán bộ, công chức - những người nắm chức vụ, quyền hạn nhất định trong bộ máy nhà nước. Người dân bình thường, nếu "ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế" cũng có thể là chủ thể của hành vi tham ô.

Sâu sắc hơn nữa, Hồ Chí Minh còn chỉ ra một hình thức tham ô tinh vi, rất khó nhận thấy trong cuộc sống đời thường, đó là *tham ô gián tiếp*. Hồ Chí Minh nêu ra một ví dụ về *tham ô*

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, t.6, tr.488.

gián tiếp: “Thí dụ: một cán bộ, Chính phủ, nhân dân trả lương hằng tháng đều cho, nhưng lại kém lòng trách nhiệm, đứng núi này trông núi nọ, làm việc chậm chạp, ăn cắp giờ của Chính phủ, của nhân dân”¹. Đây là hình thức tham ô đặc biệt, tuy không nhanh chóng gây hậu quả nghiêm trọng như những hành vi trực tiếp chiếm đoạt tài sản công, nhưng *tham ô gián tiếp* xảy ra hằng ngày, thường xuyên, liên tục, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn của bộ máy nhà nước, hiệu lực của quản lý nhà nước, là một trong những mối nguy hại lớn đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước.

b) Nguyên nhân của tệ tham ô, lãng phí

Tham ô, lãng phí là những tệ nạn nguy hiểm. Muốn chống tham ô, lãng phí hiệu quả, cần phải tìm hiểu nguồn gốc, nguyên nhân của chúng. Hồ Chí Minh đã nói: “Tham ô và lãng phí đều do bệnh quan liêu mà ra”². Người chỉ rõ tệ quan liêu chính là căn nguyên sâu xa, nguyên nhân trực tiếp, là điều kiện của tham ô, lãng phí. Người khẳng định nơi nào có tệ quan liêu thì ở đó có tham ô, lãng phí; mà quan liêu càng nặng thì tham ô, lãng phí càng nhiều.

Theo Hồ Chí Minh, quan liêu là “bệnh giầy tờ, bệnh hình thức, không thực tế, là xa cách quần chúng, không theo đường lối quần chúng, làm không đúng chính sách của Chính phủ và của đoàn thể”². Quan liêu là cán bộ phụ trách xa rời thực tế, không đi sâu đi sát công việc, việc gì cũng không nắm vững, chỉ

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.436.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.394, 394, 489.

đạo một cách đại khái, chung chung. Quan liêu là xa rời quần chúng, không rõ lai lịch, tư tưởng và công tác của cán bộ mình, không lắng nghe ý kiến của quần chúng, sợ phê bình và tự phê bình. Tác phong của người cán bộ mắc bệnh quan liêu là thiếu dân chủ, không giữ đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phân công phụ trách.

Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ mắc bệnh quan liêu còn có biểu hiện như: “Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn*”³. Khi triển khai thực hiện công việc của bản thân, giao nhiệm vụ cho cấp dưới mà không biết kiểm tra thì sẽ không có điều kiện giải thích, hướng dẫn, đôn đốc cấp dưới, không kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hay xử lý vi phạm, điều này dẫn đến công việc không có hiệu quả, gây thiệt hại về tài sản, tiền bạc, công sức của Nhà nước, của nhân dân.

c) Tác hại của tệ tham ô, lãng phí, quan liêu

Hồ Chí Minh khẳng định quan liêu, tham ô, lãng phí là "bạn đồng minh của thực dân, phong kiến", "Kẻ thù của nhân dân, của bộ đội, của Chính phủ"¹. Bởi vì, tham ô, lãng phí có tác hại rất lớn. Trước hết và trực tiếp, nó gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, của nhân dân. Cán bộ được giao quản lý tài sản của Nhà nước, của nhân dân, tài sản do những nước bạn đóng góp, giúp đỡ để phục vụ cho kháng chiến, kiến quốc, nâng cao đời sống của nhân dân. Nhưng do chủ nghĩa cá nhân, tư lợi, một số

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.490.

cán bộ đã tham ô, chiếm đoạt của công, biến của công thành của tư, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, của tập thể, làm hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân.

Tham ô, lãng phí làm tha hoá, suy thoái đạo đức cách mạng của cán bộ, phá hoại tinh thần trong sạch, ý chí vượt khó của cán bộ, nhân dân, xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Hồ Chí Minh khẳng định: phân đông cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công nhân viên chức ta đều trong sạch, tận tụy, đều mang bản chất, đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính. Họ không ngại gian khổ, hy sinh vì cách mạng, vì nhân dân. Nhưng vẫn còn một bộ phận cán bộ do tham ô, quan liêu, lãng phí, do mưu lợi cá nhân đã thoái hoá, biến chất, không giữ được đạo đức cách mạng. Điều này làm giảm sức chiến đấu của Đảng, giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, làm hại đến sự nghiệp cách mạng.

Trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, cả nước phải huy động và đã huy động được mọi nguồn lực: của cải vật chất, công sức, tinh thần... Vì sự nghiệp cách mạng của đất nước, "chiến sĩ thì hy sinh xương máu, đồng bào thì hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp"¹. Những kẻ tham ô, lãng phí đã chiếm đoạt, đã phí phạm, huỷ hoại những nguồn lực ấy. Điều này dẫn đến một hậu quả nguy hại lớn hơn nữa đó là sự cản trở, phá hoại sự nghiệp cách mạng, "làm chậm trễ công cuộc kháng chiến và kiến quốc của ta".

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.490.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chống tham nhũng

a. Về vai trò, ý nghĩa của công tác chống tham nhũng

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm rằng, chống tham ô, lãng phí là cách mạng, là dân chủ.

Sự nghiệp cách mạng do toàn thể hệ thống chính trị, toàn thể quần chúng nhân dân tiến hành, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đấu tranh giành độc lập dân tộc, tiêu diệt chế độ thực dân, phong kiến, xây dựng đất nước tiến lên xã hội chủ nghĩa là nội dung, mục tiêu của cách mạng. Hồ Chí Minh khẳng định: "tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu xa của xã hội cũ"¹, tham ô là đặc trưng, gắn liền với thực dân, phong kiến. Đấu tranh chống thực dân, phong kiến, xây dựng xã hội mới phải bao hàm cả đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Cách mạng không thể thành công hoàn toàn nếu vẫn còn tham ô, lãng phí. Vì vậy, chống tham ô, lãng phí là một nội dung, nhiệm vụ quan trọng của cách mạng.

Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Quyền lực thuộc về nhân dân. Tất cả tài sản là của nhân dân. Nhân dân đóng góp mồ hôi xương máu, tiền của cho công cuộc kháng chiến, xây dựng đất nước. Vì vậy, bảo vệ tài sản công, chống tham ô, lãng phí là bảo vệ tài sản của nhân dân, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu *ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng* thì mới thành công"². Dân chủ tức là nhân dân làm chủ. Cán bộ là người được giao quản lý tài sản để thực hiện các

¹, ². Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.494, 495.

nhiệm vụ do nhân dân giao phó. Vì vậy, nhân dân có quyền và nghĩa vụ giám sát, phê bình cán bộ, đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, tham ô, lãng phí. Sự tham gia của quần chúng quyết định sự thành công của công cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí. Quần chúng tham gia tích cực, đông đảo thì cuộc đấu tranh càng mang lại hiệu quả cao. Hồ Chí Minh khẳng định: "Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng"¹.

b) Quan điểm chỉ đạo công tác phòng, chống tham ô, lãng phí

Công tác chống tham ô, lãng phí rất quan trọng, cần phải được tất cả các cấp, các ngành quan tâm và tiến hành thường xuyên. Cũng như các mặt trận khác, muốn giành thắng lợi trên mặt trận chống tham ô, lãng phí, chúng ta phải nắm được quan điểm chỉ đạo cuộc đấu tranh trên mặt trận đó. Hồ Chí Minh nêu rõ: "phải có chuẩn bị, kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên"². Đấu tranh chống tham ô, lãng phí cần phải bằng hệ thống các biện pháp đồng bộ, cả trước mắt và lâu dài, kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống". Cùng với việc xây dựng cơ chế phòng, chống, tấn công tham ô, lãng phí trên tất cả các lĩnh vực, cần xác định và tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm. Yếu tố quan trọng, quyết định hiệu lực, hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí chính là công tác lãnh đạo. Sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, thông qua các chủ trương, chính sách mang tính chỉ đạo, thông qua các cấp uỷ

¹, ². Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.495, 490.

đang quyết định sự thành bại của cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh phải kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục và cưỡng chế, trong đó lấy tuyên truyền, giáo dục là nền tảng, cơ sở. Người nói: “Trong phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu, *giáo dục là chính, trừng phạt là phụ*”¹. Việc tuyên truyền, giáo dục cần được đặc biệt coi trọng, làm sao để cán bộ hiểu được sự nguy hại, xấu xa của tham ô, lãng phí, từ đó có các hành động tích cực nhằm phòng, chống. Đồng thời, công tác tuyên truyền, giáo dục sẽ giúp nêu gương tốt, lên án các hành vi tham ô, lãng phí, góp phần tích cực vào việc ngăn chặn nạn tham ô, lãng phí. Nhưng khi cần thiết, đối với những người đã suy thoái về đạo đức, không chịu rèn luyện, cố tình tư lợi, chiếm đoạt tài sản của nhà nước, của nhân dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng, phải bị xử lý nghiêm khắc để bảo vệ sự nghiêm minh của pháp luật và để răn đe, làm gương cho những người khác.

c) Các biện pháp phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc sự nguy hiểm, tìm ra bản chất, nguyên nhân của tham ô, lãng phí, quan liêu, Hồ Chí Minh đã nêu ra hàng loạt biện pháp nhằm đấu tranh phòng, chống. Trong các biện pháp phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng biện pháp giáo dục tư tưởng cho quần chúng. Người nói: “làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng trăm, hàng triệu con mắt, lỗ tai

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.497.

cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp”¹. Quần chúng là lực lượng chính của cách mạng, sự tham gia tích cực của quần chúng quyết định sự thành bại của cách mạng. Trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, quần chúng nhân dân giám sát cán bộ, công chức, kịp thời phát hiện sai phạm, phê bình, lên án các biểu hiện tiêu cực của cán bộ. Sự giám sát chặt chẽ của quần chúng nhân dân đối với cán bộ, công chức nhà nước, thông qua các hình thức khác nhau là một cơ chế ngăn ngừa tham ô, lãng phí hữu hiệu. Đồng thời, các phản ánh, kiến nghị kịp thời của nhân dân qua công tác giám sát sẽ giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sớm phát hiện các hành vi tham ô, lãng phí, từ đó có các biện pháp xử lý phù hợp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khởi xướng, phát động, chỉ đạo và hướng dẫn phong trào phê bình và tự phê bình trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người chỉ đạo: "bộ đội, cơ quan, đoàn thể và nhân dân phải tổ chức một phong trào thật thà tự phê bình và phê bình từ cấp trên xuống, từ cấp dưới lên"². Trong phong trào này, mỗi cán bộ, Đảng viên phải luôn ý thức tự phê bình và phê bình, không phải để đá kích nhau, mà để cùng nhau nhận thức các sai lầm, khuyết điểm, cùng bàn cách khắc phục, sửa chữa, để thực hiện chức trách, công vụ tốt hơn. Người nêu các bước thực hiện tự phê bình và phê bình. Trước hết, tự phê bình và phê bình ở các "tiểu tổ". Sau đó, cơ quan triển khai

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.576.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.395.

kiểm thảo chung. Phê bình và tự phê bình phải tiến hành từ trên xuống, từ dưới lên, phải làm thường xuyên, liên tục, phải có báo cáo, điều tra, hướng dẫn việc kiểm thảo. Sau khi công khai, thật thà tự phê bình và phê bình, cán bộ, đảng viên phải kiên quyết sửa đổi những sai lầm, khuyết điểm.

Hồ Chí Minh coi các biện pháp về tư tưởng như giáo dục, thuyết phục, các biện pháp phòng ngừa là nền tảng trong cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Đồng thời, Người luôn nhấn mạnh việc nghiêm trị các hành vi tham ô, lãng phí. Việc xử lý nghiêm khắc hành vi tham ô, lãng phí phải đúng các quy định của pháp luật, không được nể nang người có chức vụ, địa vị, với mục đích bảo vệ công lý, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, răn đe, làm gương cho những người đang hoặc có ý định tham ô. Người chỉ thị: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”. Đại tá Trần Dụ Châu, Cục trưởng Cục Quân nhu, vốn là người có công với cách mạng, nhưng đã có hành động tham ô tài sản của Nhà nước. Toà án kết án Trần Dụ Châu tử hình. Gia đình Trần Dụ Châu đã làm đơn gửi Hồ Chí Minh xin được ân giảm. Nhưng Hồ Chí Minh bác đơn xin ân giảm đó. Và hình phạt đã được thi hành. Đây chính là sự thể hiện sinh động, cụ thể, rõ nét quan điểm, sự nghiêm khắc của Bác đối với hành vi tham ô, lãng phí.

d) Vai trò của các cơ quan thanh tra nhà nước trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí

Trong công cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu, các cơ quan thanh tra nhà nước đóng vai trò rất

quan trọng. Hồ Chí Minh huấn thị: “các ban thanh tra phải chú ý kiểm tra chống lãng phí, tham ô. Phát hiện ra những việc lãng phí, tham ô, chẳng những cần báo cáo với Trung ương và Chính phủ giải quyết mà còn phải giúp các cấp lãnh đạo địa phương tìm ra được những biện pháp để tích cực chống lãng phí, tham ô”¹.

Như vậy, thanh tra, kiểm tra không những để phát hiện vi phạm, phát hiện tham ô, lãng phí để xử lý. Quan trọng hơn, qua kiểm tra, các cơ quan thanh tra nhà nước tìm hiểu nguyên nhân tham ô, lãng phí, từ đó, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, với bản thân các cơ quan là đối tượng thanh tra, kiểm tra để có các giải pháp hữu hiệu nhằm chống tham ô, lãng phí có hiệu quả.

Quan liêu là nguyên nhân, nguồn gốc của nạn tham ô, lãng phí. Vì vậy, các cơ quan thanh tra nhà nước chẳng những kiểm tra chống lãng phí, tham ô mà còn phải chống quan liêu để giúp các cơ quan Nhà nước đổi mới công tác, giữ gìn kỷ luật, thực hành dân chủ, góp phần củng cố bộ máy nhà nước.

Để thực hiện tốt, có hiệu quả nhiệm vụ của mình, cơ quan thanh tra nhà nước phải tự chống tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu trong nội bộ cơ quan mình trước. Hồ Chí Minh yêu cầu người cán bộ thanh tra phải tự mình nghiêm chỉnh, phải có đạo đức cách mạng, tự mình phải gương mẫu cho người khác. Người chỉ thị rõ ràng: “phái anh tham ô đi thanh tra tham ô thì không được, phái người lười đi thanh tra công việc người khác

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.81.

cũng không được”¹. Người cán bộ thanh tra khi đi thanh tra chống quan liêu thì trước hết bản thân mình không được quan liêu. Thanh tra muốn biết, muốn thấy, muốn hiểu rõ sự thật ở cơ quan, ở địa phương nào đấy phải đến tận nơi, nghe ngóng, tìm hiểu, chịu khó. Quan liêu sẽ không làm được nhiệm vụ.

¹. Thanh tra Nhà nước: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra*, tr.73.

Chương III

CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I- CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG

Phòng ngừa tham nhũng là một trụ cột của *Luật phòng, chống tham nhũng*. Kinh nghiệm chống tham nhũng của các nước trên thế giới cho thấy, công tác phòng ngừa đóng vai trò rất quan trọng. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng khuyến cáo các quốc gia thành viên lưu ý trong việc xây dựng và duy trì một chiến lược phòng ngừa tham nhũng liên tục, toàn diện và có hiệu quả. Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định khá đầy đủ các biện pháp phòng ngừa đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng hiện nay. Chính vì vậy, trong *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005*, số lượng điều khoản và nội dung về phòng ngừa tham nhũng chiếm tỉ lệ rất lớn, phần lớn những điểm mới trong quy định của pháp luật về chống tham nhũng nằm trong các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Các quy định về biện pháp phòng ngừa tham nhũng được quy định tại chương này gồm có 6 mục với tổng số 48 điều quy định những nội dung cụ thể như sau:

1. Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Đây là biện pháp quan trọng đầu tiên để ngăn ngừa tham

những. Công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện để người dân cũng như toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Với việc công khai minh bạch trong hoạt động tại các cơ quan nhà nước, người dân sẽ dễ dàng nhận biết được các quyền và nghĩa vụ của mình để chủ động thực hiện theo các quy định của pháp luật cũng như đòi hỏi cơ quan Nhà nước và các cán bộ, công chức nhà nước thực hiện các quy định đó. Công khai, minh bạch sẽ làm cho công chức nhà nước có ý thức hơn trong việc thực hiện chức trách, công vụ của mình theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền mà pháp luật quy định bởi, mọi hành vi vi phạm, phiền hà, sách nhiễu hay lợi dụng chức trách để tư lợi đều có thể bị phát hiện và xử lý. “*Công khai và minh bạch là những chìa khoá then chốt nhằm bảo đảm đấu tranh chống tham nhũng thành công*”¹.

Luật phòng, chống tham nhũng đưa ra các nguyên tắc cũng như thể chế hoá để bảo đảm cho việc thực hiện các nguyên tắc đó. Bên cạnh đó *Luật phòng, chống tham nhũng* quy định công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực hoạt động cụ thể, những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng.

a) *Nguyên tắc, nội dung và cơ chế bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị*

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định công

¹. Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng - Thanh tra Chính phủ - Đại sứ quán Thụy Điển tại Việt Nam: *Thông cáo báo chí* tại cuộc đối thoại về phòng chống tham nhũng lần thứ ba, tháng 6-2008.

khai minh, bạch trở thành một nguyên tắc chung cho hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không được lấy lý do nào khác để từ chối việc công khai hoạt động của mình nhằm tránh sự kiểm soát của người dân và xã hội trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước.

Điều 11, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật phải được tiến hành công khai, minh bạch, bảo đảm công bằng, dân chủ.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Ngoài việc đưa ra nguyên tắc chung như đã phân tích ở trên, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã có những quy định cụ thể để nguyên tắc này được bảo đảm thực hiện trên thực tế, đó là việc quy định hình thức công khai và quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân và tổ chức.

Khoản 1, Điều 12, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định các hình thức công khai bao gồm:

- Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;
- Phát hành ấn phẩm;
- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Đưa lên trang thông tin điện tử;

- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Để bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch được thực hiện, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức tại khoản 1, Điều 31: 1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, pháp luật cũng đưa ra những hạn chế nhất định như sau:

- Các cơ quan, tổ chức hoặc báo chí được quyền yêu cầu cung cấp thông tin *trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình* chứ không phải bắt kỳ thông tin nào mà mình muốn.

- Cơ quan tổ chức đơn vị chỉ có trách nhiệm cung cấp thông tin *liên quan đến hoạt động của mình* theo quy định của pháp luật.

Kèm theo việc yêu cầu cung cấp thông tin, khoản 2, Điều 31, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* cũng ấn định thời hạn trả lời để tránh tình trạng cơ quan, tổ chức đã nhận được yêu cầu nhưng lại tìm cách trốn tránh trách nhiệm cung cấp thông tin của mình:

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu phải cung cấp thông tin, trừ trường hợp nội dung thông tin đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai; trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung

cấp được thì phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức yêu cầu biết và nêu rõ lý do.

Về quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân, Điều 32, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình làm việc cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

- Công dân có quyền yêu cầu chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú cung cấp thông tin về hoạt động của uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó.

- Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, trừ trường hợp nội dung thông tin đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc được niêm yết công khai; trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết và nêu rõ lý do.

Có thể thấy rằng, quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân chỉ giới hạn trong phạm vi địa phương, cơ sở, tức là tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mà người yêu cầu làm việc hoặc tại địa phương mà người đó cư trú. Đây là những nơi pháp luật cho phép người dân được giám sát trực tiếp hoạt động của các cơ quan, tổ chức, chính quyền cũng như phần lớn các quyền và lợi ích của công dân được thực hiện tại địa phương, cơ sở nên cần tạo điều kiện để họ có thông tin để giám sát, phát hiện, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền có biện pháp xử lý đối với những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng,

đồng thời, phát huy dân chủ ở cơ sở.

Bảo đảm quyền yêu cầu cung cấp thông tin là một nội dung rất quan trọng và có tác dụng thiết thực vào việc phòng ngừa tham nhũng, hơn nữa đây là vấn đề rất mới. Chính vì vậy, để có cơ sở thực hiện thật tốt điều này, Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20-10-2006 *quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng* (sau đây gọi tắt là Nghị định số 120) đã dành nhiều quy định vừa cụ thể hoá, vừa hướng dẫn để các các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ cung cấp thông tin cũng như có yêu cầu về thông tin có thể thực hiện một cách thuận lợi. Nghị định 120 xác định rất rõ quyền và nghĩa vụ của người có yêu cầu cung cấp thông tin và người có trách nhiệm cung cấp thông tin:

Điều 6 của Nghị định quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin có các quyền sau đây:

+ Yêu cầu cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 31 và Điều 32, Luật phòng, chống tham nhũng;

+ Được nhận thông tin đã yêu cầu hoặc nhận văn bản trả lời về việc từ chối cung cấp thông tin;

+ Khiếu nại về việc không cung cấp thông tin hoặc không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin có các nghĩa vụ sau đây:

+ Yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản có ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lý do của việc yêu cầu cung cấp thông tin;

+ Thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định này;

+ Không được lợi dụng quyền yêu cầu cung cấp thông tin để gây rối hoặc để thực hiện các hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân;

+ Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật về việc thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin.

Điều 7 của Nghị định quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin có các quyền sau đây:

+ Được biết lý do của việc yêu cầu cung cấp thông tin;

+ Từ chối cung cấp các thông tin thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ, thông tin đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai, thông tin không liên quan đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được yêu cầu;

+ Yêu cầu người được cung cấp thông tin sử dụng thông tin đó hợp pháp và bảo đảm tính chính xác khi sử dụng thông tin đó.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin có các nghĩa vụ sau đây:

- Cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn được quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định này;

- Trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin biết trong trường hợp không cung cấp hoặc chưa cung cấp được;

- Hướng dẫn tiếp cận thông tin được yêu cầu trong trường hợp thông tin đó đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, được phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai;

- Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật về việc thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin.

Những quy định trên đã khá đầy đủ và rõ ràng, bảo đảm sự cân đối giữa quyền và nghĩa vụ, giữa người có quyền được cung cấp và người được yêu cầu cung cấp thông tin. Đây là điều kiện quan trọng để công dân, cơ quan, tổ chức có được những thông tin cần thiết cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, góp phần ngăn ngừa tham nhũng; đồng thời, việc thực hiện quyền yêu cầu cung cấp thông tin cũng không ảnh hưởng tới hoạt động bình thường hay gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22-9-2006 *quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách* (sau đây gọi tắt là Nghị định số 107) quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 8 như sau:

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc cung cấp thông tin; chịu trách nhiệm về việc vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn

vị mình theo quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật.

Quy định này thể hiện xu hướng chung hiện nay đó là phải đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị. Chỉ có như vậy thì việc thực hiện trách nhiệm công vụ nói chung cũng như việc thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin nói riêng mới được quan tâm và thực hiện nghiêm chỉnh.

Nghị định 120 cũng quy định hình thức yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 9 như sau:

- Việc yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện bằng văn bản hoặc thông điệp dữ liệu.

- Văn bản hoặc thông điệp dữ liệu yêu cầu cung cấp thông tin được chuyển trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua giao dịch điện tử cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu.

Để hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng trách nhiệm cung cấp thông tin của mình, Nghị định quy định:

Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin phải tiến hành một trong các hoạt động sau:

- Thực hiện việc cung cấp thông tin khi nội dung thông tin được yêu cầu đáp ứng các điều kiện sau:

- + Thuộc phạm vi công khai theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định này;

- + Thuộc phạm vi hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá

nhân được yêu cầu;

- + Chưa được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai.

- Trả lời bằng văn bản về việc không cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu trong trường hợp nội dung thông tin được yêu cầu không đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1, Điều này và nêu rõ lý do.

- Nếu thông tin được yêu cầu đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành ấn phẩm hoặc niêm yết công khai thì trong văn bản trả lời phải có hướng dẫn cách thức tiếp cận thông tin đó.

Trên đây là những trình tự, thủ tục cụ thể để thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin theo ba trường hợp:

- Cung cấp thông tin nếu đáp ứng đủ điều kiện;
- Trả lời và nêu rõ lý do trong trường hợp từ chối cung cấp thông tin;
- Hướng dẫn người có yêu cầu tiếp cận thông tin nếu thông tin được yêu cầu đã được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng.

Cuối cùng, tại Điều 11, Nghị định 120 quy định các biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện tốt quy định về việc cung cấp thông tin, đặc biệt coi việc cung cấp thông tin trái pháp luật như là một hành vi vi phạm có thể bị khiếu nại tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin có căn cứ cho rằng việc cung cấp thông tin là chưa đầy đủ hoặc trái pháp luật thì có quyền khiếu nại.
- Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại về quyền yêu cầu

cung cấp thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

- Trường hợp người bị khiếu nại do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm hoặc là người đứng đầu cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội thì khiếu nại lên Trường Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Điều 12, Nghị định số 120 cũng quy định các biện pháp xử lý đối với người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin cũng như người có nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

- Người được yêu cầu cung cấp thông tin mà không thực hiện đúng các nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Người nào lợi dụng quyền yêu cầu cung cấp thông tin để gây rối hoặc sử dụng trái pháp luật thông tin được cung cấp gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Đây là nội dung đặc biệt quan trọng và khá mới đối với chúng ta. Trên thực tế các nước trên thế giới luôn coi quyền được thông tin và việc tiếp cận thông tin là một giải pháp quan trọng, tạo điều kiện cho sự tham gia tích cực và có hiệu quả của xã hội vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Hiện nay, trên thế giới có 68 quốc gia (trong đó tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có 6 quốc gia) có luật về tiếp cận thông tin. Nghị quyết

Trung ương 3 khóa X vừa qua cũng đã có định hướng về việc nghiên cứu ban hành *Luật bảo đảm quyền được thông tin của công dân*. Thực hiện chủ trương này, hiện nay, Chính phủ đã giao cho các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị Dự thảo *Luật về bảo đảm tiếp cận thông tin* để trình các cơ quan có thẩm quyền trong thời gian tới.

b) Quy định về công khai minh bạch trong một số lĩnh vực cụ thể

Ngoài việc nêu nguyên tắc và cơ chế bảo đảm công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đơn vị nói chung, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định những nội dung công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực mà thực tế xảy ra nhiều tham nhũng, gây thất thoát một lượng lớn tiền, tài sản của Nhà nước cũng như có nhiều sự phiền hà, sách nhiễu.

- *Công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản.*

Mua sắm công và xây dựng cơ bản là những lĩnh vực sử dụng phần lớn ngân sách nhà nước, đồng thời cũng là lĩnh vực mà Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng khuyến cáo các nước cần đặc biệt quan tâm trong công tác đấu tranh chống tham nhũng. Trên thực tế chúng ta có thuận lợi rất lớn để thực hiện quy định này, bởi vì song song với việc ban hành *Luật đấu thầu năm 2005*, Quốc hội cũng ban hành *Luật đấu thầu năm 2005*, trong đó quy định khá đầy đủ và chi tiết về vấn đề đấu thầu trong mua sắm công. *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* chỉ nêu ra những nội dung bắt buộc phải công

khai để phòng ngừa những hành vi tham nhũng trong quá trình thực hiện mua sắm công và xây dựng cơ bản. Các nội dung công khai về đấu thầu bao gồm:

- + Kế hoạch đấu thầu, mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển, mời thầu;

- + Danh mục nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, danh sách ngắn nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, kết quả lựa chọn nhà thầu;

- + Thông tin về cá nhân, tổ chức thuộc chủ dự án, bên mời thầu, nhà thầu, cơ quan quản lý hoặc đối tượng khác vi phạm pháp luật về đấu thầu; thông tin về nhà thầu bị cấm tham gia và thông tin về xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;

- + Văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu, hệ thống thông tin dữ liệu về đấu thầu;

- + Báo cáo tổng kết công tác đấu thầu trên phạm vi toàn quốc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo tổng kết công tác đấu thầu của bộ, ngành, địa phương và cơ sở;

- + Thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu.

- công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng

Thực tế công tác thanh tra, kiểm tra trong những năm qua cho thấy, đây là lĩnh vực xảy ra nhiều tham nhũng và gây bức xúc cho người dân, làm thất thoát một khối lượng lớn tài sản của Nhà nước và là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng khiếu tố đông người, phức tạp. Bởi vì, trong quá trình quy hoạch và thực hiện quy hoạch, một số quan chức đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cố tình thực hiện hành vi vi phạm vì tư lợi.

Vì vậy, trong quá trình tổng hợp ý kiến đóng góp vào Dự thảo *Luật phòng, chống tham nhũng* nhiều ý kiến cho rằng, vấn đề này cần phải được công khai để dân biết và phải lấy ý kiến nhân dân cũng như phải do hội đồng nhân dân địa phương, người đại diện cho nhân dân xem xét quyết định. Điều 14 của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- + Dự án quy hoạch đầu tư xây dựng phải được lấy ý kiến của nhân dân địa phương nơi quy hoạch.

- + Dự án đầu tư xây dựng từ ngân sách địa phương phải được hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

- + Dự án đầu tư xây dựng sau khi được quyết định, phê duyệt phải được công khai để nhân dân giám sát.

- *công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách nhà nước*

Từ khi ban hành *Luật ngân sách nhà nước năm 2003*, chúng ta đã từng bước công khai hoá việc xây dựng và thực hiện ngân sách. Vấn đề này đã được quy định trong nhiều văn bản pháp luật, Điều 15, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* chỉ nêu ra một số nội dung có tính chất nhấn mạnh để ngăn ngừa tham nhũng như sau:

- + Các cấp ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách phải công khai chi tiết số liệu dự toán và quyết toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn, kể cả khoản ngân sách bổ sung.

- + Đơn vị dự toán ngân sách có nguồn thu và các khoản chi từ các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật phải công khai mục đích huy động, kết quả huy động và hiệu quả việc sử dụng các nguồn huy động.

- + Tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải công khai

các nội dung: số liệu dự toán, quyết toán; khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân (nếu có); cơ sở xác định mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung: việc phân bổ vốn đầu tư trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm cho các dự án; dự toán ngân sách của dự án đầu tư theo kế hoạch đầu tư được duyệt, mức vốn đầu tư của dự án được giao trong dự toán ngân sách năm; quyết toán vốn đầu tư của dự án hằng năm; quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước phải công khai các nội dung: quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của quỹ; kế hoạch tài chính hằng năm, trong đó chi tiết các khoản thu, chi có quan hệ với ngân sách nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền; kết quả hoạt động của quỹ; quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Việc phân bổ, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước cho các dự án, chương trình mục tiêu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải công khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan và nhân dân nơi trực tiếp thụ hưởng biết.

- công khai, minh bạch việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

Huy động và đoàn kết toàn dân luôn là một chủ trương và mong muốn lớn của Đảng và Nhà nước ta trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Tuy nhiên, cần phải biết sử dụng các nguồn lực đó một cách có hiệu quả và bảo đảm mục đích tốt đẹp của nó. Thực tế cho thấy, đã có không ít

những khoản đóng góp của nhân dân bị chiếm đoạt, sử dụng sai mục đích, không ít những hoạt động nhân đạo, từ thiện bị lợi dụng. Điều 16 của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* đã đưa ra nội dung cần công khai, minh bạch về các khoản đóng góp của nhân dân:

+ Việc huy động các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trình, lập quỹ trong phạm vi địa phương phải lấy ý kiến nhân dân và được hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

+ Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân quy định tại khoản 1, Điều này phải được công khai để nhân dân giám sát và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

+ Nội dung phải công khai bao gồm: mục đích huy động, mức đóng góp, việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

+ Công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân phải công khai các nội dung: nội dung phải công khai quy định tại khoản 3 Điều này; dự toán cho từng công trình theo kế hoạch đầu tư được duyệt; nguồn vốn đầu tư cho từng công trình; kết quả đã huy động của từng đối tượng cụ thể, thời gian huy động; kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiến độ thi công và kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình và quyết toán công trình. Vừa qua, *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* có quy định về những nội dung công khai để nhân dân biết, bao gồm việc quản lý và sử dụng các quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình hợp tác đối với cấp xã; các

khoản huy động do nhân dân đóng góp.

+ Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân vì mục đích từ thiện, nhân đạo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

- công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ

Việc quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* được hiểu như sau: Các khoản viện trợ phi chính phủ phải được công khai cho các đối tượng thụ hưởng biết, việc quản lý, phân bổ, sử dụng phải tuân thủ quy định tại Điều 15 của Luật. Thực tế việc quản lý các khoản viện trợ hiện nay còn chưa chặt chẽ, có nhiều sơ hở nên đã xảy ra tình trạng tham nhũng hoặc sử dụng lãng phí nguồn lực này, chúng ta cần phải có biện pháp khắc phục kịp thời.

- công khai, minh bạch trong quản lý doanh nghiệp của Nhà nước

Hoạt động của doanh nghiệp cũng là một trong những nơi dễ xảy ra tình trạng lãng phí, tham nhũng. Chính vì vậy, Nhà nước chủ trương đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước kèm theo đó là đổi mới cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, đề cao tính tự chủ và nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp này. Để thực hiện được việc đó, chúng ta phải tăng cường quản lý, ngăn chặn kịp thời tình trạng thất thoát tài sản và vốn của nhà nước.

Điều 18 của Luật quy định: Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm công khai vốn và tài sản của Nhà nước đầu tư vào

doanh nghiệp, vốn vay ưu đãi, báo cáo tài chính và kết quả kiểm toán, việc trích, lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp, việc tuyển dụng lao động, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Những nội dung này phù hợp với Quy chế thực hiện dân chủ trong các doanh nghiệp nhà nước mà trên thực tế đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao hiệu quả giám sát của người lao động đối với hoạt động của doanh nghiệp, không ít vụ việc tham nhũng lớn đã bị phanh phui từ sự phát hiện của quần chúng.

- Công khai, minh bạch trong cổ phần hoá doanh nghiệp của Nhà nước

Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong quá trình cổ phần hoá, đã xuất hiện sự móc nối để vụ lợi dưới nhiều hình thức khác nhau và hậu quả là một số lượng đáng kể tài sản của Nhà nước bị chuyển đổi bất hợp pháp thành tài sản của một số người có chức vụ, quyền hạn. Để góp phần ngăn chặn tình trạng này, Điều 19 của Luật quy định:

+ Việc cổ phần hoá doanh nghiệp của Nhà nước phải công khai, minh bạch; không được cổ phần hoá khép kín trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh nghiệp được cổ phần hoá có trách nhiệm công khai thực trạng tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm công khai giá trị doanh nghiệp được cổ phần hoá và việc điều chỉnh giá trị của doanh nghiệp (nếu có).

+ Việc bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp được cổ

phần hoá phải thực hiện bằng phương thức bán đấu giá.

- *Kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước*

Trong xu thế chung của nền kinh tế phát triển thì hoạt động kiểm toán đóng vai trò là công cụ quan trọng để phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng trong quá trình sử dụng ngân sách nhà nước. *Luật kiểm toán* vừa được Quốc hội ban hành năm 2005 đã nâng cơ quan kiểm toán và hoạt động kiểm toán lên một vị thế xứng đáng, tạo điều kiện thuận lợi để kiểm toán nhà nước phát huy vai trò tích cực của mình, góp phần bảo vệ trật tự, kỷ cương trong việc sử dụng ngân sách nhà nước cũng như đấu tranh chống tham nhũng. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, Điều 20 của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện kiểm toán và chịu sự kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

+ Báo cáo kiểm toán phải được công khai theo quy định tại Điều 12 của Luật này.

- *Công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng đất*

Quản lý và sử dụng đất trong thời gian qua là lĩnh vực được xã hội quan tâm. Đây vừa là lĩnh vực xảy ra nhiều tranh chấp, khiếu kiện vừa là môi trường thuận lợi cho những người có chức vụ, quyền hạn tham nhũng hoặc làm giàu bất chính. Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng nhằm tăng cường quản lý đất đai, thể hiện qua việc *Luật đất đai* và các văn bản hướng dẫn thi hành thường xuyên được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện và tình hình mới. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng trong lĩnh vực đất đai vẫn được coi là một trong những lĩnh vực xảy ra nhiều tham nhũng với số lượng tài sản lớn nhất. Để góp phần

ngăn chặn tình trạng này, *Lược phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định công khai, minh bạch ở một số khâu dễ xảy ra tiêu cực trong quản lý đất đai và dễ nảy sinh tham nhũng. Điều 21 quy định như sau:

- + Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải bảo đảm dân chủ và công khai.

- + Trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, cơ quan, tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch đó phải thông báo công khai cho nhân dân địa phương nơi được quy hoạch, điều chỉnh biết.

- + Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, việc giải phóng mặt bằng, giá đền bù khi thu hồi đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phải được công khai.

Khoản 2, Điều 5, *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* cũng quy định phải công khai: “dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã”.

- + Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quy hoạch chi tiết và việc phân lô đất ở, đối tượng được giao đất làm nhà ở phải được công khai.

- *Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà ở.*

Tham nhũng trong lĩnh vực này được thể hiện chủ yếu dưới dạng những nhiễu loạn đòi hỏi lộ khi cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Mặc dù số lượng tài sản bị

chiếm đoạt trong từng vụ việc không lớn nhưng hiện tượng này lại có tính chất phổ biến và ảnh hưởng đến nhiều người dân, gây ra sự bất bình và làm ách tắc quá trình quản lý của Nhà nước. Loại hành vi tham nhũng thứ hai, tuy xuất hiện không nhiều nhưng tinh vi hơn, số lượng tài sản chiếm đoạt cũng lớn hơn, đó là việc mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước với giá thấp. Một số người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng vị trí và quyền lực của mình để được mua những ngôi nhà, biệt thự có giá trị rất lớn với giá mang tính “tượng trưng”, thực chất là chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Đây là hai hành vi chủ yếu cần phải đấu tranh và *Điều 22, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về công khai, minh bạch nhằm đấu tranh với hai loại hành vi như sau:

- + Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và việc cấp giấy phép xây dựng nhà ở và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở phải được công khai.

- + Việc hoá giá nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, đối tượng được hoá giá nhà ở và các khoản tiền phải nộp khi hoá giá nhà ở phải được công khai.

- + Việc bán nhà cho người tái định cư, người có thu nhập thấp và những đối tượng ưu tiên khác phải được công khai.

- *Công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục.*

Tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục ở nước ta diễn ra ở tất cả các khâu: tuyển sinh (đầu vào), quá trình học, cấp văn bằng, chứng chỉ. Đồng thời, tham nhũng cũng xảy ra trong các hoạt động có tính chất quản lý nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước. Hiện nay, chúng ta đang đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, quá trình này đã nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực tham

những, nhất là có sự móc nối giữa những người có chức trách quản lý và những kẻ mượn danh nghĩa giáo dục để thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, thu lợi bất chính. Điều 23 *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

+ Việc tuyển sinh, thi, kiểm tra, cấp văn bằng, chứng chỉ phải được công khai.

+ Cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước phải công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, việc thu, quản lý, sử dụng học phí, lệ phí tuyển sinh, các khoản thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, các khoản hỗ trợ, đầu tư cho giáo dục và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

- *Công khai, minh bạch trong lĩnh vực y tế.*

Cũng như lĩnh vực giáo dục, y tế là lĩnh vực nhạy cảm, liên quan đến tuyệt đại bộ phận tầng lớp nhân dân. Tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt là tình trạng nhũng nhiễu, vôi vĩnh của một bộ phận không nhỏ nhân viên y tế trong các bệnh viện nhà nước khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ khám, chữa bệnh gây ra những phản ứng mạnh mẽ trong nhân dân. Những hành vi tiêu cực, ăn hối lộ của cán bộ ngành y tế khi thực hiện chức năng quản lý nhà nước, nhất là trong việc quản lý các cơ sở khám chữa bệnh, sản xuất và kinh doanh thuốc chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm cũng diễn ra phổ biến. Điều 24, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định ngăn chặn tình trạng này như sau:

+ Thăm quyền, trình tự, thủ tục và việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề cho các cơ sở hành nghề y, dược phải được công

khai.

+ Cơ quan quản lý y tế, cơ sở khám, chữa bệnh có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước phải công khai việc thu, quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, giá thuốc, việc thu, quản lý, sử dụng các loại phí liên quan đến việc khám, chữa bệnh và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

- *Công khai minh bạch trong lĩnh vực khoa học - công nghệ.*

Với mục tiêu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Nhà nước đã quan tâm và dành khoản ngân sách lớn cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, việc sử dụng ngân sách trong lĩnh vực này hiện nay còn chưa hiệu quả, nhiều đề tài, công trình nghiên cứu còn xa rời thực tế, chưa có khả năng ứng dụng, quá trình tuyển chọn, phân bổ ngân sách nghiên cứu bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơ chế “xin - cho”, thậm chí xảy ra tình trạng “chạy” kinh phí trong nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, việc công khai hoá mạnh mẽ lĩnh vực hoạt động này là biện pháp ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng. Điều 25, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định một số khâu cần phải công khai, minh bạch, cụ thể như sau:

+ Việc xét, tuyển chọn, giao trực tiếp, tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ và việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ phải được tiến hành công khai.

+ Cơ quan quản lý khoa học - công nghệ, đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ phải công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, các khoản hỗ trợ, viện trợ, đầu tư, các khoản thu từ hoạt động khoa học - công nghệ.

- Công khai, minh bạch trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế và với điều kiện sống ngày càng được nâng cao thì các hoạt động thể dục, thể thao đã và đang diễn ra hết sức rầm rộ, sôi nổi. Đây cũng là lĩnh vực mà chúng ta chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá. Ngoài các khoản ngân sách được hỗ trợ, các hoạt động này còn thu hút và huy động được rất nhiều kinh phí từ việc tài trợ và tổ chức thi đấu, biểu diễn. Vì vậy, Luật quy định phải bảo đảm tính công khai, minh bạch để tránh tiêu cực, tham nhũng như đã xảy ra trong thời gian vừa qua. Cụ thể là:

Cơ quan quản lý thể dục, thể thao, Ủy ban Olympic Việt Nam, các liên đoàn thể thao, cơ sở thể dục, thể thao có trách nhiệm công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, các khoản thu từ hoạt động và dịch vụ thể dục, thể thao, khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho hoạt động thể dục, thể thao.

- Công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước.

Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước là những hoạt động rất quan trọng trong việc đánh giá tình hình chấp hành chính sách, pháp luật của các cơ quan, tổ chức. Trong thời gian gần đây, kết luận của cơ quan thanh tra và cơ quan kiểm toán hầu hết đều chỉ ra sai phạm kinh tế và trách nhiệm của những cơ quan, tổ chức có liên quan. Nhiều vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm toán. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, kết luận thanh tra và kiểm toán luôn có những vấn đề mà dư luận thường thắc mắc, nhất là những thay đổi trong quá trình kết luận và xử lý kết quả

thanh tra, kiểm toán. Điều này gây ra ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động của các cơ quan này. Điều 27, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

+ Hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước phải được tiến hành công khai theo quy định của pháp luật.

+ Văn bản, quyết định sau đây phải được công khai, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác: kết luận thanh tra; quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định giải quyết tố cáo; báo cáo kiểm toán.

- *Công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.*

Quy định này chủ yếu hướng vào việc công khai hoá hoạt động hành chính, là một hoạt động có quan hệ trực tiếp nhất, cụ thể nhất đến quyền và lợi ích của mọi người dân. Đây cũng là lĩnh vực thường xuyên xảy ra tình trạng vôi vĩnh, sách nhiễu, đòi hỏi lộ. Vi phạm phổ biến là lợi dụng sự không rõ ràng của pháp luật hoặc quy định của pháp luật tuy rõ ràng, cụ thể nhưng cơ quan có thẩm quyền hoặc cán bộ, công chức có thẩm quyền tìm cách gây khó khăn, phiền hà để buộc người dân và doanh nghiệp hối lộ. *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định tính công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức cũng như quyền của người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, tạo điều kiện để công dân và doanh nghiệp đấu tranh với các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tạo cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý những cơ quan, cá nhân có hành vi vi phạm. Điều 28 của Luật quy định:

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhà, đất, xây dựng, đăng ký kinh doanh, xét duyệt dự án, cấp vốn ngân sách nhà nước, tín dụng, ngân hàng, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý hộ khẩu, thuế, hải quan, bảo hiểm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải công khai thủ tục hành chính, giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật và đúng yêu cầu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết công việc của mình giải thích rõ những nội dung liên quan. Khi nhận được đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải kịp thời giải thích công khai.

+ Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải thích chưa thoả đáng hoặc cố tình gây khó khăn, phiền hà thì cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có quyền kiến nghị lên cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, các nhân đó.

- Công khai, minh bạch trong lĩnh vực tư pháp.

Hoạt động tư pháp là lĩnh vực được Đảng và Nhà nước ta quan tâm và có chủ trương tiến hành đổi mới mạnh mẽ. Đây là yêu cầu tất yếu của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn có nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin

của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp¹. Thực tiễn cho thấy, đã xảy ra không ít hành vi tham nhũng của những người có chức vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp. Tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp có thể chưa bị phát hiện nhiều nhưng để lại những hậu quả nguy hiểm, đó là việc pháp luật bị xem thường. Biểu hiện là việc chạy án vẫn diễn ra khá phổ biến, kẻ phạm tội không bị xử lý bởi đã dùng tiền hối lộ và thoát tội, người dân mất lòng tin vào cơ quan tư pháp. Ngược lại, sự tắc trách của những người có trách nhiệm trong hoạt động tư pháp cũng có thể dẫn đến việc người dân vô tội bị kết án oan sai.

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã nhấn mạnh trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân có thẩm quyền trong việc công khai những nội dung hay hoạt động mà pháp luật đã quy định để bảo đảm sự giám sát của nhân dân cũng như của các cơ quan quyền lực nhà nước, góp phần phòng ngừa tham nhũng trong lĩnh vực này. Điều 29, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định: Việc thụ lý, điều tra, truy tố, kiểm sát, xét xử, thi hành án phải được công khai theo quy định của pháp luật về tố tụng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- *Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức - cán bộ.*

Công tác cán bộ là vấn đề hết sức quan trọng và nhạy cảm. Việc tuyển dụng người vào cơ quan, tổ chức cũng như việc bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, công chức, viên chức luôn được Đảng và

¹. Xem: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.

Nhà nước ta giám sát chặt chẽ và nghiêm túc để có một đội ngũ “vừa hồng vừa chuyên”, đáp ứng được yêu cầu của công việc, làm việc có trách nhiệm và thực sự là công bộc của dân. Tuy nhiên, thời gian qua, lĩnh vực này đã xảy ra không ít hiện tượng tiêu cực. Một trong những biện pháp hết sức cần thiết và có thể thực hiện ngay đó chính là việc công khai, minh bạch trong công tác tổ chức - cán bộ.

Điều 30, *Luật phòng, chống tham nhũng quy định:*

+ Việc tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác vào cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được công khai về số lượng, tiêu chuẩn, hình thức và kết quả tuyển dụng.

+ Việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động, khen thưởng, cho thôi việc, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác phải được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó làm việc.

- *Công khai báo cáo hằng năm về phòng, chống tham nhũng.*

Quy định về công khai báo cáo hằng năm về phòng, chống tham nhũng vừa thể hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý trước Quốc hội, là cơ quan đại diện cho quyền lực của nhân dân, vừa tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền giám sát của mình, đồng thời cũng thể hiện trách nhiệm của một nước thành viên Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Việc công bố công khai báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống tham nhũng cũng thể hiện thái độ và quyết tâm đấu tranh chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Điều 33, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy

định:

+ Hằng năm, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước; ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương.

+ Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng phải được công khai.

Theo quy định của Điều 15, Nghị định số 120 thì Báo cáo của Chính phủ với Quốc hội, ủy ban Thường vụ Quốc hội có các nội dung sau đây:

- Tình hình tham nhũng, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước;

- Đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng và kiến nghị chính sách, giải pháp phòng, chống tham nhũng.

Báo cáo của địa phương bao gồm các nội dung sau đây:

- Các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác liên quan đến phòng, chống tham nhũng do địa phương ban hành theo thẩm quyền;

- Tình hình tham nhũng, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng của bộ, địa phương.

Về thời điểm công khai báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống tham nhũng, Điều 24, Nghị định số 120 có quy định

- Báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống tham nhũng của ủy ban nhân dân được Chủ tịch ủy ban nhân dân công khai chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng của tháng ba hàng năm.

2. Báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống tham nhũng của Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ công khai chậm nhất

vào ngày làm việc cuối cùng của tháng tư hằng năm.

Xác định công khai, minh bạch là nội dung quan trọng trong phòng ngừa tham nhũng, Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 nêu rõ, tập trung vào công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật, gồm các giải pháp:

- Minh bạch hóa quá trình soạn thảo, trình, ban hành chính sách, pháp luật; quá trình chuẩn bị, trình, ban hành quyết định, văn bản hành chính gắn liền với việc cải cách thủ tục hành chính;

- Tổng rà soát, sửa đổi pháp luật về bí mật nhà nước theo hướng thu hẹp phạm vi bí mật nhà nước ở mức cần thiết;

- Cụ thể hóa và tăng cường kiểm tra nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm các quy định của *Luật phòng, chống tham nhũng* về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức ở tất cả các ngành, các cấp và trong các lĩnh vực, nhất là trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội;

- Công khai, minh bạch các quyết định trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án;

- Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; hoàn thiện và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế người phát ngôn của cơ quan nhà nước; xây dựng và ban hành luật về tiếp cận thông tin; có chế tài đối với người vi phạm quyền được thông tin của công dân;

- Hoàn thiện cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật.

2. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong các lĩnh vực quản lý luôn liên quan đến việc sử dụng tài sản, vốn và ngân sách nhà nước. Việc thực hiện một cách tùy tiện và trái phép các tiêu chuẩn, chế độ, định mức đó sẽ dẫn đến việc tài sản của Nhà nước bị thất thoát, tiền bạc hoặc những lợi ích vật chất rơi vào một số ít người, thực chất đó là sự hưởng lợi bất chính của những người có chức vụ, quyền hạn hoặc những người có quan hệ thân quen với người có chức vụ, quyền hạn. Đây chính là hành vi tham nhũng cần ngăn chặn.

Lượt phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã đưa ra các quy định nhằm bảo đảm cho việc ban hành, chấp hành quy định từ việc xây dựng, thực hiện cũng như chế độ, trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra vi phạm.

Điều 34 quy định về những nguyên tắc trong việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn như sau:

- Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- + Xây dựng, ban hành và công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

- + Công khai các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn về quyền lợi đối với từng loại chức danh trong cơ quan mình;

- + Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự

nghiệp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành và công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn áp dụng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

- Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trái pháp luật.

Như vậy, có thể hiểu quy định này được áp dụng cho mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước. Điều 35 quy định về trách nhiệm kiểm tra và việc xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, nhất là việc xác định trách nhiệm của những người có liên quan đến việc để xảy ra các sai phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thường xuyên kiểm tra việc chấp hành và xử lý kịp thời hành vi vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

- Người có hành vi vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người cho phép sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn phải bồi thường phần giá trị mà mình cho phép sử dụng vượt quá; người sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá trị được sử dụng vượt quá.

- Người cho phép thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn chuyên môn - kỹ thuật thấp hơn mức quy định phải bồi thường phần giá trị mà mình cho phép sử dụng thấp hơn; người hưởng lợi từ việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn chuyên môn - kỹ thuật thấp hơn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá

trị được hưởng lợi.

Nghị định số 120 quy định về hành vi của một số người liên quan đến việc thực hiện sai chế độ, định mức, tiêu chuẩn để làm cơ sở phân định trách nhiệm của họ khi có vi phạm. Điều 50, Nghị định số 120 quy định:

- Người chỉ đạo, người cho phép, người đề xuất sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn thì tùy theo mức độ trách nhiệm phải bồi thường phần giá trị được sử dụng vượt quá; người sử dụng vượt chế độ, định mức, tiêu chuẩn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá trị được sử dụng vượt quá.

- Người chỉ đạo, người cho phép, người đề xuất thực hiện định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật thấp hơn mức quy định vì vụ lợi thì tùy theo mức độ trách nhiệm phải bồi thường phần giá trị mà mình cho phép sử dụng thấp hơn; người hưởng lợi từ việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật thấp hơn có trách nhiệm liên đới bồi thường phần giá trị được hưởng lợi.

- Trong trường hợp hành vi vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn gây thiệt hại, thất thoát về tài sản hoặc bắt buộc phải áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả thì người có hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều này phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc chi phí khắc phục hậu quả.

Về nội dung xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn, Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 yêu cầu:

Công bố công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng

tài sản công của cán bộ, công chức, trước hết là của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng nhà công vụ; xử lý nghiêm minh các vi phạm trong việc quản lý, sử dụng nhà công vụ.

3. Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

Các nước trên thế giới mặc dù có chế độ chính trị khác nhau nhưng về cơ bản, việc thực hiện quyền lực công đều phải thông qua hoạt động công vụ của đội ngũ công chức. Vì vậy, để chống tham nhũng, không có cách gì tốt hơn là tăng cường kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, cụ thể là tác động vào đội ngũ cán bộ, công chức và quá trình thực hiện công vụ. Ngoài ra, trong chừng mực nào đó, cần kiểm soát cả những quan hệ xã hội của họ, những quan hệ có nguy cơ bị lợi dụng và nảy sinh tham nhũng. Trên một quan niệm chung như vậy, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* đã đưa ra nhiều giải pháp liên quan đến cán bộ, công chức như sau:

a) Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Điều 36, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức như sau:

- Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm, phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và từng lĩnh vực hoạt động công vụ, nhằm bảo

đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

- Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức được công khai để nhân dân giám sát việc chấp hành.

Nội dung quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức bao gồm:

Thứ nhất, những điều cán bộ, công chức không được làm (thường gọi là những điều cấm):

- Cán bộ, công chức, viên chức không được làm những việc sau đây:

- + Cưỡng quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong khi giải quyết công việc;

- + Thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- + Làm tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về các công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc mình tham gia giải quyết;

- + Kinh doanh trong lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ trong một thời hạn nhất định theo quy định của Chính phủ;

- + Sử dụng trái phép thông tin, tài liệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị vì vụ lợi.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, vơ

hoặc chồng của những người đó không được góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán vật tư, hàng hoá, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong phạm vi do mình quản lý trực tiếp.

- Cán bộ, công chức, viên chức là thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác trong doanh nghiệp của Nhà nước không được ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột; cho phép doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột tham dự các gói thầu của doanh nghiệp mình; bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, làm thủ quỹ, thủ kho trong doanh nghiệp hoặc giao dịch, mua bán vật tư, hàng hoá, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp.

Những quy định trên đây cũng được áp dụng đối với các đối tượng sau: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

Thứ hai, nghĩa vụ báo cáo và xử lý báo cáo về dấu hiệu tham nhũng xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Điều 38, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định nghĩa vụ báo cáo và xử lý báo cáo về dấu hiệu tham nhũng như sau:

- Khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình làm việc thì cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến dấu hiệu tham nhũng đó thì báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp.

- Chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo về dấu hiệu tham nhũng, người được báo cáo phải xử lý vụ việc theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét xử lý và thông báo cho người báo cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá ba mươi ngày; trường hợp cần thiết thì quyết định hoặc đề nghị người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng và bảo vệ người báo cáo.

Bên cạnh nghĩa vụ báo cáo và xử lý báo cáo về dấu hiệu tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức, Luật cũng quy định trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức biết được hành vi tham nhũng mà không báo cáo và người nhận được báo cáo về hành vi, dấu hiệu tham nhũng mà không xử lý thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, quy định về tặng quà và nhận quà tặng của cán bộ,

công chức, viên chức:

Điều 40, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về việc tặng quà và nhận quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức như sau:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị không được sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước làm quà tặng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Cán bộ, công chức, viên chức không được nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Nghiêm cấm lợi dụng việc tặng quà, nhận quà tặng để hối lộ hoặc thực hiện các hành vi khác vì vụ lợi.

Ngày 10-5-2007, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ban hành *quy chế về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức.*

Để các cơ quan có cơ sở quy định quy tắc ứng xử của từng loại cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tính chất của hoạt động công vụ và các quy tắc ứng xử với những tình huống thường xảy ra trong các quan hệ công vụ và quan hệ xã hội trong lĩnh vực mà cán bộ, công chức, viên chức đó đảm nhận và thực hiện (chẳng hạn, thẩm phán, kiểm sát viên, công chức hải quan, thuế...), Điều 41, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- *Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ*

nhệm Văn phòng Chủ tịch nước ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan, ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

- Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành quy tắc ứng xử của thẩm phán, hội thẩm, thư ký toà án, kiểm sát viên và cán bộ, công chức, viên chức khác trong cơ quan toà án, viện kiểm sát.

- Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; phối hợp với cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong tổ chức này”.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này, ngày 26-2-2007, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ra Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương, trong đó quy định các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam xây dựng quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong các tổ chức này.

b) Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

Điều 42, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về vấn đề đạo đức nghề nghiệp như sau:

- Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề.

- Tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với hội viên của mình theo quy định của pháp luật.

Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 đặt ra yêu cầu: Đẩy mạnh việc xây dựng, công bố công khai các quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức và tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Vấn đề chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

Khoản 1, Điều 43, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo thẩm quyền quản lý có trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại một số vị trí liên quan đến việc quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng.

Cần lưu ý, việc chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển cán bộ có sự khác biệt. Luân chuyển cán bộ là chính sách của Đảng trong công tác cán bộ nhằm đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo, để họ có điều kiện nâng cao trình độ hiểu biết và đủ năng lực thực tiễn đáp ứng được yêu cầu của người lãnh

đạo quản lý. Chuyển đổi vị trí công tác là để tránh việc cán bộ, công chức, viên chức do làm lâu ở một vị trí sẽ tìm ra được kẽ hở hay những khiếm khuyết của cơ chế chính sách để tìm cách lợi dụng tham nhũng. Hoặc do làm lâu ở một vị trí nên tìm cách móc nối với những người có liên quan để thực hiện những hành vi tham nhũng tinh vi, khó phát hiện và ngăn chặn. *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* có quy định: Việc chuyển đổi vị trí công tác... chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ, (khoản 3, Điều 43).

Cụ thể hoá quy định trên đây, ngày 27-10-2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2007/NĐ-CP *quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức*. Điều 8, Nghị định số 158 quy định phải định kỳ chuyển đổi 21 vị trí công tác trong các lĩnh vực gồm:

- Hoạt động quản lý tài chính, ngân sách, tài sản của Nhà nước;
- Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;
- Hoạt động hải quan, thuế, kho bạc, dự trữ quốc gia; quản lý và thực hiện nghiệp vụ kế toán, kiểm toán;
- Quản lý công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; quản lý chứng khoán, thị trường chứng khoán;
- Hoạt động thẩm định, định giá trong đấu giá, hoạt động mua và bán nợ;
- Cấp phép hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối; thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng; quản lý và thực hiện nghiệp

vụ tín dụng tại các tổ chức tín dụng nhà nước; thẩm định và cho vay tín dụng;

- Quản lý việc bán, khoán, cho thuê đất, tài sản trên đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà;

- Hoạt động quản lý, điều hành công tác kế hoạch và đầu tư trong các cơ quan nhà nước và trong các doanh nghiệp nhà nước;

- Quản lý hoạt động đối ngoại, lãnh sự;

- Hoạt động quản lý và cấp phát các loại: giấy đăng ký, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, giấy chứng nhận, giấy phép, cấp phiếu lý lịch tư pháp; công chứng viên, chấp hành viên thi hành án dân sự;

- Quản lý xây dựng cơ bản, giải tỏa, áp giá đền bù trong giải phóng mặt bằng và quản lý dự án;

- Quản lý, cấp phát các loại văn bằng, chứng chỉ;

- Quản lý, cấp phát đăng ký các loại phương tiện, bằng lái xe;

- Quản lý, đăng kiểm các loại phương tiện vận tải;

- Hoạt động quản lý thị trường, kiểm lâm;

- Các hoạt động thanh tra;

- Cán bộ, công chức, viên chức làm công tác phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này;

- Cảnh sát giao thông; cảnh sát tư pháp; cảnh sát quản lý trại giam; cảnh sát hộ khẩu; cảnh sát điều tra; cảnh sát kinh tế; cảnh sát khu vực; cảnh sát trật tự hành chính; cảnh sát đăng ký, quản lý vũ khí, ngành nghề kinh doanh có điều kiện và con dấu; cảnh sát đăng ký và quản lý hộ khẩu; cảnh sát hướng dẫn và kiểm tra

an toàn phòng cháy và chữa cháy; cảnh sát làm công tác hậu cần; an ninh kinh tế, an ninh điều tra, quản lý xuất cảnh, nhập cảnh và cán bộ làm công tác trinh sát trong các cơ quan điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân;

- Cán bộ, nhân viên làm công tác hậu cần, kỹ thuật, đầu tư, kinh tế trong Quân đội nhân dân;

- Công tác kiểm sát các hoạt động tư pháp; hoạt động công tố của viện kiểm sát nhân dân, viện kiểm sát quân sự các cấp; hoạt động xét xử của tòa án nhân dân, tòa án quân sự các cấp;

- Công tác tuyển dụng, đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, viên chức; công tác nhân sự và quản lý nhân lực.

4. Vấn đề minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức

Với việc ban hành *Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998*, Việt Nam đã thực hiện việc kê khai tài sản - một nội dung của cơ chế minh bạch tài sản. Tuy nhiên, cho đến nay, hệ thống minh bạch tài sản ở Việt Nam vẫn chỉ dừng lại ở kê khai tài sản đơn thuần, còn thiếu nhiều yếu tố để Nhà nước có thể kiểm soát chặt chẽ tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức. *Luật phòng, chống tham nhũng* đã quy định một cách khá toàn diện và đầy đủ những nội dung cơ bản nhất của một hệ thống minh bạch tài sản, bao gồm những vấn đề chính như sau:

- Cán bộ, công chức phải kê khai tài sản hằng năm để tránh che giấu, tẩu tán tài sản tham nhũng; ngoài việc kê khai tài sản của bản thân, cán bộ, công chức còn phải kê khai tài sản của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên. Đối tượng tài sản phải kê khai được mở rộng hơn so với *Pháp lệnh chống tham nhũng*.

- Việc xác minh tài sản được tiến hành trong một số trường hợp nhất định. Đây là một điểm mới so với Pháp lệnh chống tham nhũng. Khi xem xét đề bạt, bổ nhiệm, bầu cử hoặc có hành vi tham nhũng thì thủ trưởng cơ quan tổ chức việc xác minh tài sản để xem cán bộ, công chức có kê khai trung thực hay không.

- Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản được công khai trong một số trường hợp nhất định theo yêu cầu và trên cơ sở quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật nếu kê khai không trung thực, nếu là người ứng cử thì sẽ bị loại khỏi danh sách bầu cử, người được dự kiến bổ nhiệm, phê chuẩn thì sẽ không được bổ nhiệm, phê chuẩn vào chức vụ dự kiến.

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 không đặt vấn đề công khai bản kê khai tài sản mà chỉ quy định công khai kết luận về tính minh bạch, trung thực của việc kê khai sau khi đã tiến hành xác minh theo các hình thức và ở những nơi thích hợp.

a) Về đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai

Theo quy định của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005*, không phải mọi cán bộ, công chức đều phải có nghĩa vụ kê khai tài sản, mà chỉ cán bộ có chức vụ từ phó trưởng phòng của cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên hoặc tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức làm tại một số vị trí nhất định (sẽ do Chính phủ quy định). Cụ thể hoá quy định này, Nghị định số của Chính phủ số

37/2007/NĐ-CP ngày 9-3-2007 của Chính phủ về *minh bạch tài sản, thu nhập* đã quy định cụ thể người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bao gồm:

- Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu hội đồng nhân dân chuyên trách, người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân.

- Cán bộ, công chức từ phó trưởng phòng của ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên và người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương phó trưởng phòng của ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Sĩ quan giữ cương vị chỉ huy từ cấp phó tiểu đoàn trưởng, phó chỉ huy, trưởng ban chỉ huy quân sự cấp huyện trở lên trong Quân đội nhân dân; sĩ quan giữ cương vị chỉ huy từ cấp phó tiểu đoàn trưởng, phó trưởng công an phường, thị trấn, phó đội trưởng trở lên trong Công an nhân dân.

- Giám đốc, phó giám đốc, viện trưởng, phó viện trưởng, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, bác sĩ chính tại các bệnh viện, viện nghiên cứu của Nhà nước.

- Tổng biên tập, phó tổng biên tập, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban báo, tạp chí có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trường mầm non, tiểu học của Nhà nước tại quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên của Nhà nước; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng, trưởng

phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, giảng viên chính trường đại học, cao đẳng của Nhà nước.

- Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước; giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng ban quản lý dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

- Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị, phó chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, phó trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban các phòng, ban nghiệp vụ trong công ty nhà nước; người được Nhà nước cử giữ chức vụ kể trên trong doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước.

- Bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự xã; cán bộ địa chính - xây dựng, tài chính - kế toán của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký toà án, kiểm toán viên nhà nước, thanh tra viên, chấp hành viên, công chứng viên nhà nước.

- Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi thống nhất với bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, trưởng các ban của Trung ương Đảng, người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ

chức chính trị - xã hội, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách đối với người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập là: người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Chủ tịch nước.

b) Quyền và nghĩa vụ của người kê khai tài sản

Theo quy định của pháp luật, người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải kê khai tài sản, mọi biến động về tài sản thuộc sở hữu của mình và tài sản thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải kê khai trung thực và chịu trách nhiệm về việc kê khai. Khi kê khai, người có nghĩa vụ kê khai phải ghi rõ những thay đổi về tài sản so với lần kê khai trước.

Cụ thể hoá nội dung về quyền và nghĩa vụ của người kê khai tài sản, Nghị định số 37 quy định:

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có các quyền sau:

+ Được bảo đảm bí mật nội dung của bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật;

+ Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập tại *Luật phòng, chống tham nhũng* và Nghị định này;

+ Được khôi phục danh dự, uy tín, được bồi thường thiệt hại

do hành vi vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập gây ra.

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có các nghĩa vụ sau:

+ Kê khai trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn về số lượng tài sản, thu nhập phải kê khai và những thay đổi so với lần kê khai gần nhất trước đó;

+ Giải trình trung thực, đầy đủ, kịp thời về các nội dung liên quan đến việc kê khai tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;

+ Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì ngoài việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định nói trên còn phải thực hiện các nghĩa vụ về kê khai tài sản, thu nhập do tổ chức đó quy định.

c) Về tài sản phải kê khai

So với quy định trước kia thì vấn đề này được quy định đầy đủ hơn, bao gồm:

- Nhà, quyền sử dụng đất;

- Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá trị và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ năm mươi triệu đồng trở lên;

- Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;

- Thu nhập phải chịu thuế theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 37 đã cụ thể hoá tài sản phải kê khai bao gồm:

- Các loại nhà, công trình xây dựng sau:
 - + Nhà, công trình xây dựng khác đang thuê hoặc đang sử dụng thuộc sở hữu của Nhà nước;
 - + Nhà, công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu;
 - + Nhà, công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác.
- Các quyền sử dụng đất sau:
 - + Quyền sử dụng đất của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng;
 - + Quyền sử dụng đất của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên người khác.
- Tài sản, tài khoản ở nước ngoài của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.
- Thu nhập từ mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân trở lên theo quy định của pháp luật.
- Kim khí quý, đá quý, tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác, mô tô, ô tô, tàu, thuyền và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ năm mươi triệu đồng trở lên.

Thủ tục kê khai tài sản được thực hiện tương tự như trước: Việc kê khai tài sản được thực hiện hằng năm tại cơ quan, tổ

chức, đơn vị nơi người có nghĩa vụ kê khai làm việc và được hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 12.

Bản kê khai tài sản được nộp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản.

d) Về xác minh tài sản thu nhập và xử lý vi phạm

Xác minh tài sản là một quy định mới của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* so với *Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998*. Mục đích của việc xác minh tài sản là để đánh giá về tính trung thực của việc kê khai, góp phần đánh giá cán bộ, công chức hoặc người tham gia ứng cử vào các cơ quan quyền lực để bảo đảm bộ máy nhà nước có một đội ngũ cán bộ trung thực, liêm chính, không tham nhũng. Tuy nhiên, quyền sở hữu về tài sản là một trong những quyền cơ bản của công dân cần được tôn trọng và bảo vệ. Vì vậy, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định vấn đề này rất chặt chẽ, việc xác minh chỉ được tiến hành trong trường hợp có đủ hai điều kiện:

- Phải có quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản.

- Chỉ được thực hiện trong các trường hợp Luật định.

Cụ thể, Điều 47, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định như sau:

- Việc xác minh tài sản chỉ được thực hiện khi có quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản.

- Việc xác minh tài sản được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

+ Phục vụ cho việc bầu cử, bổ nhiệm, cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản khi xét thấy cần thiết;

+ Theo yêu cầu của hội đồng bầu cử hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

+ Có hành vi tham nhũng.

Trên thực tế, việc xác minh tài sản là vấn đề cực kỳ phức tạp vì liên quan đến việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, trong đó có vai trò của các cơ quan Đảng bởi vì nhiều cán bộ, công chức là đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý.

Tiếp tục thực hiện việc minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 yêu cầu: Sửa đổi, bổ sung các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập theo hướng từng bước công khai và quy định trách nhiệm giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập; thực hiện việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho cán bộ, công chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, công chức, nhất là việc minh bạch tài sản, thu nhập, việc thực thi công vụ ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp.

5. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu là một yếu tố quan trọng trong quản lý nhà nước và chống tham nhũng nói riêng. *Luật phòng, chống tham nhũng* quy định một cách chi tiết về vấn đề này, bao gồm những nội dung chính sau:

- Phân định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức với cấp phó được giao phụ trách các lĩnh vực; theo đó, người đứng đầu chịu trách nhiệm chung và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với lĩnh vực do mình quản lý, cấp phó chịu trách nhiệm trực tiếp đối với lĩnh vực được giao phụ trách.

- Phân cấp trách nhiệm rõ ràng cho người đứng đầu đơn vị, phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị mình.

Để tạo cơ sở xử lý trách nhiệm người đứng đầu, trong kết luận thanh tra, kiểm toán, điều tra phải có kết luận về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi xảy ra tham nhũng là yếu kém trong quản lý, buông lỏng quản lý hay bao che cho hành vi tham nhũng.

Khoản 1, Điều 54, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* đã khẳng định lại nguyên tắc: “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách”. Trên cơ sở nguyên tắc chung như trên, Luật cũng quy định tùy từng trường hợp cụ thể mà xác định mức độ trách nhiệm khác nhau của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, có trường hợp họ phải chịu trách nhiệm trực tiếp, có trường hợp thì liên đới chịu trách nhiệm.

Khoản 2, Điều 54, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định: Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình trực tiếp phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị

phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do cấp phó của mình trực tiếp phụ trách. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị do mình quản lý.

Mặc dù đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do họ phụ trách nhưng do tính chất phức tạp của tệ nạn tham nhũng cho nên *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* cũng quy định việc loại trừ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong những trường hợp bất khả kháng, những hành vi tham nhũng vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của người lãnh đạo quản lý, trường hợp họ không thể biết được hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng. Ngoài ra, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định nguyên tắc về việc xử lý đối với người đứng đầu và cá nhân có trách nhiệm trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước để xảy ra hành vi tham nhũng thì được thực hiện theo quy định của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* này và điều lệ, quy chế của tổ chức đó.

Cùng với việc xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng, khoản 1 và 2, Điều 55, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định cụ thể về hình thức xử lý áp dụng đối với họ tùy theo mức độ trách nhiệm. Nếu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc

để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật.

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 cũng quy định việc xem xét miễn giảm trách nhiệm pháp lý nếu họ đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng; xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

Để tạo điều kiện cho việc xử lý người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng, Luật quy định trong kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết luận điều tra vụ việc, vụ án tham nhũng phải nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng theo các mức độ sau đây:

- Yếu kém về năng lực quản lý;
- Thiếu trách nhiệm trong quản lý;
- Bao che cho người có hành vi tham nhũng.

Kết luận phải được gửi cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Cụ thể hóa những quy định trên của *Luật phòng, chống tham nhũng*, ngày 22-9-2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 107/2006/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 107) quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do

mình quản lý, phụ trách. Nghị định số 107 quy định mức độ của vụ, việc tham nhũng làm căn cứ để xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Vụ, việc tham nhũng được chia theo các mức độ sau đây:

- Tham nhũng ít nghiêm trọng là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị xử phạt bằng hình thức cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù đến 3 năm;

- Tham nhũng nghiêm trọng là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm;

- Tham nhũng rất nghiêm trọng là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm;

- Tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng là vụ, việc mà trong đó người có hành vi tham nhũng bị phạt tù từ 15 năm trở lên, tù chung thân hoặc tử hình.

Về nguyên tắc xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Nghị định số 107 có quy định:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nếu phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định này hoặc nếu có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nếu phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong

cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định này.

- Trường hợp vụ, việc tham nhũng xảy ra liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị thì ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ, việc tham nhũng, người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có người vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm liên đới theo quy định tại Nghị định này.

Việc xử lý kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan quy định tại khoản 3, Điều 4, Nghị định này, ngoài việc thực hiện theo các nguyên tắc xem xét xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17-3-2005 của Chính phủ về *xử lý kỷ luật cán bộ, công chức*, còn thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Căn cứ vào sự phân công, phân cấp quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị để xác định mức độ chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới.

- Căn cứ vào mối quan hệ công tác giữa trách nhiệm quản lý của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu với hành vi tham nhũng của người dưới quyền.

Về các hình thức xử lý kỷ luật áp dụng đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng:

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, nếu để xảy ra vụ, việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính

chất, mức độ của vụ, việc sẽ xử lý kỷ luật như sau:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1, Điều 1, *Pháp lệnh cán bộ, công chức* (đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung ngày 29-4-2003, sau đây gọi chung là *Pháp lệnh cán bộ, công chức*) và viên chức quản lý doanh nghiệp nhà nước thì bị xử lý kỷ luật bằng một trong những hình thức sau:

- + Khiển trách;
- + Cảnh cáo;
- + Cách chức.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức quy định tại điểm a và g khoản 1, Điều 1, *Pháp lệnh cán bộ, công chức* thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại điều lệ của tổ chức đó.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị là sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Nghị định cũng quy định các trường hợp loại trừ trách nhiệm, miễn, giảm nhẹ hoặc tăng nặng hình thức kỷ luật như

sau:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được loại trừ trách nhiệm trong trường hợp họ không thể biết hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì được miễn xử lý kỷ luật.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách được giảm nhẹ một mức kỷ luật nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Đã có đơn xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

+ Đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng; đã xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, nếu không thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng hoặc nếu phát hiện hành vi tham nhũng mà không xử lý nghiêm minh, không báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì phải tăng nặng một mức kỷ luật.

Ngoài việc quy định xử lý người đứng đầu cơ quan, tổ chức,

đơn vị để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý thì Nghị định cũng có quy định về xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu ngành, lĩnh vực và người đứng đầu địa phương đã để xảy ra tình trạng tham nhũng nghiêm trọng và gây ảnh hưởng xấu, cụ thể là: bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và tương đương; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nếu để xảy ra vụ, việc tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu về chính trị, kinh tế, xã hội thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương mình thì phải chịu trách nhiệm và bị xử lý các hình thức kỷ luật theo quy định tại Nghị định.

Vấn đề xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng rất phức tạp, liên quan đến phân cấp quản lý cán bộ và việc lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ. Về nguyên tắc, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải chịu trách nhiệm về việc làm của cấp dưới thuộc quyền. Nhưng nguyên tắc này chỉ hợp lý và chỉ có thể thực hiện được khi người đứng đầu được quyền lựa chọn cấp dưới của mình. Chính vì vậy, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí* đã chỉ rõ cần: “Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm, phân cấp quản lý cán bộ theo hướng tăng quyền hạn cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức gắn với trách nhiệm cá nhân trong việc lựa chọn, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cấp phó và cán bộ cấp dưới trực tiếp trên cơ sở thảo luận dân chủ trong tập thể lãnh đạo. Nghiên cứu cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm thủ trưởng cơ quan hành chính

cấp dưới”.

Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 cũng nhấn mạnh vấn đề trách nhiệm của người đứng đầu thể hiện ở giải pháp: Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; quy định cụ thể, rành mạch chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý. Quy định chức trách của từng vị trí công tác, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và căn cứ vào kết quả thực hiện chức trách đó để đánh giá cán bộ, công chức.

6. Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán nhằm phòng ngừa tham nhũng

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 chỉ đề cập đến một số khâu quan trọng cần lưu ý trong quá trình tiến hành cải cách hành chính để góp phần phòng ngừa tham nhũng. Trong đó có nội dung” Nhà nước thực hiện cải cách hành chính nhằm tăng cường tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước; công khai, đơn giản hoá và hoàn thiện thủ tục hành chính; quy định cụ thể trách nhiệm của từng chức danh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Thực hiện quy định này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 53/2007/NQ-CP ngày 07-1-2007 *ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về đẩy mạnh*

cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước đặt ra yêu cầu các bộ, ngành, địa phương đã đẩy mạnh công tác rà soát thủ tục hành chính để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp; công khai các thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” trong việc giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp đến cấp xã, áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào quản lý hành chính.

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 cũng quy định có tính chất định hướng cho các cơ quan nhà nước áp dụng khoa học - công nghệ trong quản lý nhằm giảm bớt cơ hội và nguy cơ xảy ra tham nhũng, nhất là việc tiếp xúc trực tiếp giữa người quản lý và người bị quản lý trong những trường hợp không cần thiết. Theo đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị thường xuyên cải tiến công tác, tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ trong hoạt động của mình, tạo thuận lợi để công dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết công việc để cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chủ động thực hiện mà không phải trực tiếp tiếp xúc với cán bộ, công chức, viên chức.

Một giải pháp phòng ngừa tham nhũng quan trọng nữa mà *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* có quy định đó là vấn đề đổi mới phương thức thanh toán. Hiện nay, về cơ bản nền kinh tế của chúng ta vẫn là nền kinh tế tiền mặt, các giao dịch chủ yếu bằng tiền mặt, rất khó kiểm soát, kể cả các khoản thu nhập của cán bộ, công chức từ ngân sách nhà nước. Vì vậy, cùng với việc áp dụng khoa học - công nghệ trong quản lý, cần

phải đổi mới phương thức thanh toán để kiểm soát chặt chẽ hơn các giao dịch, nhất là những khoản chi có sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản chi liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm sự minh bạch trong các nguồn thu nhập của họ.

Vấn đề cải cách hành chính cũng được đề cập rất cụ thể trong Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, đặc biệt là trong nhóm giải pháp về tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật và giải pháp về hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ. Chiến lược yêu cầu:

- Minh bạch hóa quá trình soạn thảo, trình, ban hành chính sách, pháp luật; quá trình chuẩn bị, trình, ban hành quyết định, văn bản hành chính gắn liền với việc cải cách thủ tục hành chính.

- Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; quy định cụ thể, rành mạch chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý.

- Hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xử lý kiên quyết, kịp thời các vi phạm trong quản lý và sử dụng cán bộ, công chức;

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện cơ chế về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, phụ cấp bảo đảm để cán bộ, công chức có mức thu nhập tương đương mức thu nhập khá trong xã hội; thực hiện chính sách tiền lương hợp lý trong một số lĩnh vực đặc thù; nghiên cứu bổ sung chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức...

II- CÁC GIẢI PHÁP PHÁT HIỆN THAM NHŨNG

Phát hiện tham nhũng là việc tìm ra vụ việc tham nhũng và có biện pháp kịp thời để hạn chế thiệt hại xảy ra, đồng thời xác định mức độ trách nhiệm của người có hành vi vi phạm, có hình thức xử lý thích đáng và nghiêm minh. Việc phát hiện tham nhũng đòi hỏi sự nỗ lực của mọi cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các cơ quan có chức năng thanh tra, điều tra, giám sát, kiểm sát cũng như sự tham gia tích cực của công dân. *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định việc phát hiện tham nhũng thông qua ba hoạt động chủ yếu:

- Công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán;
- Tố cáo của công dân.

1. Phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước

Điều 59, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước như sau:

- Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình

nhằm kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng.

- Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền.

Ngoài ra, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* cũng quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tự kiểm tra nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, kiểm tra việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý để phát hiện tham nhũng. Điều 60, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân và cán bộ, công chức, viên chức khác do mình quản lý nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi tham nhũng.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc người đứng đầu đơn vị trực thuộc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý.

- Khi phát hiện hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền.

Mặc dù pháp luật đề cao công tác kiểm tra của các cơ quan nhằm phát hiện tham nhũng nhưng để tránh tình trạng kiểm tra

trần lan, hoặc lợi dụng việc kiểm tra để gây khó khăn cho đồng nghiệp và công dân, Luật quy định các hình thức kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm cũng như trường hợp kiểm tra đột xuất phải có những điều kiện nhất định. Điều 61 quy định: Việc kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động thường phát sinh hành vi tham nhũng. Việc kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát

Đây là những hoạt động chủ yếu trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng. Các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm toán, xét xử và giám sát là lực lượng chính trong cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật, có chức năng bảo vệ pháp luật và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm, trong đó có tham nhũng.

Các hoạt động này được quy định rất chặt chẽ và đầy đủ trong các văn bản pháp luật cao nhất của Nhà nước. Một mặt, pháp luật trao cho các cơ quan này quyền hạn lớn để có thể đấu tranh với những vi phạm pháp luật, mặt khác cũng quy định chặt chẽ để hoạt động của các cơ quan này phải tuân thủ pháp luật, bảo đảm tính chính xác, khách quan trong khi đánh giá, kết luận những vụ việc và người có hành vi vi phạm để tránh oan sai. Các văn bản quy định về hoạt động của các cơ quan này gồm có: *Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, được sửa đổi, bổ sung năm 2003 và năm 2005, Bộ luật hình sự năm*

1999, Luật về hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2003, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2004, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, Luật thanh tra năm 2004, Luật kiểm toán nhà nước năm 2005.

Điều 62, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định: Cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, viện kiểm sát, toà án thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử có trách nhiệm chủ động phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị việc xử lý theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Việc phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát cũng được đề cập đến trong Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, Điều 63 quy định: Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân thông qua hoạt động giám sát có trách nhiệm phát hiện hành vi tham nhũng, yêu cầu hoặc kiến nghị việc xử lý theo quy định của pháp luật.

Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 đưa ra nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng gồm 6 nội dung như sau:

- Nghiên cứu sửa đổi pháp luật về thanh tra theo hướng làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thanh tra nhà nước, phân định rõ thanh tra theo cấp hành chính và thanh tra theo ngành, lĩnh vực; tăng cường tính độc lập và tự chịu

trách nhiệm của các cơ quan thanh tra.

Tăng cường hiệu lực thi hành các kết luận của cơ quan thanh tra.

- Sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về kiểm toán nhằm phân định phạm vi hoạt động giữa kiểm toán nhà nước và thanh tra tài chính, khắc phục sự chồng chéo trong công tác thanh tra, kiểm toán.

Hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kiểm toán; đề cao trách nhiệm của các tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên về tính chính xác, khách quan của các báo cáo kiểm toán.

- Nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi pháp luật theo hướng tăng hình thức phạt tiền; miễn trách nhiệm hình sự hoặc giảm hình phạt đối với những đối tượng đã thực hiện hành vi tham nhũng nhưng chủ động khai báo, khắc phục hậu quả; hoàn thiện quy định xử lý tài sản tham nhũng; bổ sung quy định nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, bảo đảm cho việc thu hồi, tịch thu tài sản do tham nhũng mà có;

- Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về phòng, chống tham nhũng, phẩm chất chính trị, bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức và hoạt động của các đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng.

Nghiên cứu xây dựng chế độ, chính sách đãi ngộ hợp lý, đồng thời tăng cường chế độ trách nhiệm và xử lý nghiêm khắc

đối với hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng;

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng trong việc tiếp nhận, xử lý thông tin, tố cáo về tham nhũng, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng; tăng cường trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại.

Nghiên cứu từng bước áp dụng các biện pháp, kỹ thuật điều tra đặc biệt với trình tự, thủ tục, điều kiện chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả phát hiện hành vi tham nhũng.

3. Tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng

Tố cáo là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, các nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Tố cáo là một kênh quan trọng trong phát hiện hành vi tham nhũng. *Luật phòng, chống tham nhũng* quy định những nguyên tắc chung và nội dung cơ bản của tố cáo hành vi tham nhũng. Luật quy định cơ chế bảo vệ người tố cáo, quyền và nghĩa vụ của người tố cáo và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tiếp nhận và xử lý tố cáo hành vi tham nhũng, khen thưởng người tố cáo...

Vấn đề tố cáo và giải quyết tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật nói chung đã được quy định trong *Luật khiếu nại, tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành*. *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng với hai nhóm nội dung sau:

Thứ nhất, quyền của công dân trong việc tố cáo hành vi tham nhũng, trách nhiệm của công dân khi thực hiện quyền tố cáo.

Điều 64, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Công dân có quyền tố cáo hành vi tham nhũng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.
- Người tố cáo phải tố cáo trung thực, nêu rõ họ, tên, địa chỉ, cung cấp thông tin, tài liệu mà mình có và hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.
- Người tố cáo mà cố tình tố cáo sai sự thật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và những người có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tố cáo của công dân đối với hành vi tham nhũng.

Luật phòng, chống tham nhũng nhấn mạnh trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự đe dọa, trả thù, trù dập. Đây là vấn đề rất quan trọng vì trong nhiều trường hợp, người bị tố cáo là những người có chức vụ, quyền hạn, thậm chí giữ chức vụ, quyền hạn rất cao nên họ có nhiều cách để trả thù người tố cáo hoặc giữ kín sự việc mà người tố cáo phát hiện cho Nhà nước. Vì vậy, Nhà nước phải có những cơ chế bảo vệ người tố cáo, tạo điều kiện để công dân tích cực phát hiện các hành vi tham nhũng, cơ quan nhà nước kịp thời xử lý.

Khoản 1, 2, Điều 65 *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để công dân tố cáo trực tiếp, gửi đơn tố cáo, tố cáo qua điện thoại, tố cáo qua mạng thông tin điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi nhận được tố cáo hành vi tham nhũng phải xem xét và xử lý theo thẩm quyền; giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin khác theo yêu cầu của người tố cáo; áp dụng kịp thời các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo khi có biểu hiện đe dọa, trả thù, trù dập người tố cáo hoặc khi người tố cáo yêu cầu; thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo khi có yêu cầu.

Điều 41, Nghị định số 120 đã cụ thể hoá các hình thức tố cáo hành vi tham nhũng mà người tố cáo có thể thực hiện:

Công dân tố cáo hành vi tham nhũng bằng các hình thức sau:

- Tố cáo trực tiếp;
- Gửi đơn tố cáo;
- Tố cáo qua điện thoại;
- Tố cáo bằng thông điệp dữ liệu.

Để tạo thuận lợi cho việc xử lý tố cáo và đề cao trách nhiệm của người tố cáo, hạn chế việc lợi dụng quyền tố cáo để vu cáo, làm hại uy tín danh dự của người khác, Nghị định cũng quy định: Người tố cáo phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ, nội dung tố cáo và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có.

Đối với các tố cáo nặc danh, Nghị định quy định: Đối với

những tố cáo không rõ họ, tên, địa chỉ người tố cáo nhưng nội dung tố cáo rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nghiên cứu, tham khảo thông tin được cung cấp để phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng (khoản 4, Điều 42, Nghị định số 120). Đây là điểm mà các cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm phải hết sức lưu ý khi xử lý các đơn thư tố cáo để tránh bỏ sót những thông tin có giá trị. Quy định này cũng phù hợp với tinh thần của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng về vấn đề phát huy vai trò và sự tích cực, chủ động của xã hội và công dân trong đấu tranh chống tham nhũng đối với việc xử lý đơn thư tố cáo nặc danh (khoản 2, Điều 13 của Công ước).

Để tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự trả thù, trù dập, trước hết Nghị định quy định những hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm:

- Đe dọa, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo, người thân của người tố cáo;
- Đe dọa, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, các hoạt động kinh doanh, nghề nghiệp của người tố cáo, người thân của người tố cáo;
- Ngăn cản, gây khó khăn cho việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo trong việc nâng ngạch, tăng bậc lương, phụ cấp, khen thưởng, bổ nhiệm và việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người tố cáo, người thân của người tố cáo;
- Phân biệt đối xử, lôi kéo người khác cản trở việc thực hiện

nhiệm vụ, công vụ của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Xử lý kỷ luật trái pháp luật, thay đổi công việc của người tố cáo, người thân của người tố cáo với động cơ trù dập.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 120 cũng quy định cho người tố cáo có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi bị đe dọa, trả thù, trù dập.

Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng, Nghị định số 120 quy định như sau:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo, giải quyết tố cáo có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để giữ bí mật cho người tố cáo; không được tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và các thông tin khác liên quan đến người tố cáo.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận được yêu cầu của người tố cáo, người thân của người tố cáo khi bị đe dọa, trả thù, trù dập thì phải kịp thời áp dụng hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo, người thân của người tố cáo như sau:

- + Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm người tố cáo, người thân của người tố cáo;

+ Đình chỉ, tạm đình chỉ các quyết định hành chính, ngăn chặn các hành vi hành chính trái pháp luật vì động cơ trả thù, trù dập gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho người tố cáo, người thân của người tố cáo;

+ Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người tố cáo, người thân của người tố cáo.

Luật quy định trách nhiệm chủ yếu trong việc xử lý các tố cáo về hành vi tham nhũng thuộc về cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát như sau (khoản 3, Điều 65, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005):

Cơ quan thanh tra có trách nhiệm giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý; trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhận được tố cáo về hành vi tham nhũng phải xử lý theo thẩm quyền.

Luật cũng quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải tạo điều kiện, cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi tham nhũng, hạn chế thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra.

Về khen thưởng cho người tố cáo hành vi tham nhũng, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* chỉ đưa ra quy định mang tính nguyên tắc về việc khen thưởng cho người tố cáo; những nội dung cụ thể về điều kiện, mức độ, hình thức khen thưởng sẽ

tiếp tục được nghiên cứu và quy định trong các văn bản sau này.

Điều 67, *Lược đồ phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định: Người tố cáo trung thực, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi tham nhũng thì được khen thưởng về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật.

Điều 48, Nghị định số 120 cũng khẳng định việc Nhà nước sẽ khen thưởng người tố cáo hành vi tham nhũng: Người tố cáo trung thực, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi tham nhũng thì được nhận bằng khen, giấy khen của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền và được xem xét thưởng về vật chất.

Để thực hiện được tinh thần này, Điều 53 của Nghị định số 120 đã quy định về việc lập quỹ khen thưởng như sau:

- Quỹ khen thưởng về phòng, chống tham nhũng được thành lập để khen thưởng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng.

- Quỹ khen thưởng về phòng, chống tham nhũng được lấy từ ngân sách nhà nước, trích từ tài sản được thu hồi từ các vụ, việc tham nhũng và đóng góp của tổ chức, cá nhân.

- Việc quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng về phòng, chống tham nhũng do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chiến lược phòng, chống tham nhũng cũng quy định: tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng; tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống tham nhũng; xử

lý nghiêm minh những trường hợp lợi dụng quyền tố cáo để vu khống, gây rối nội bộ làm ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

III- XỬ LÝ NGƯỜI CÓ HÀNH VI THAM NHŨNG, CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC VÀ TÀI SẢN THAM NHŨNG

Xử lý tham nhũng, trong đó có xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng là vấn đề quan trọng, là khâu cuối cùng trong quá trình đấu tranh với một hành vi hay vụ việc tham nhũng. Xử lý tham nhũng thể hiện rõ nét quan điểm và thái độ của nhà nước cũng như phản ứng của xã hội đối với tham nhũng. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, về cơ bản, pháp luật nước ta đã có những quy định khá đầy đủ, chặt chẽ về việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và tham nhũng nói riêng. Chính vì vậy, trong *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* không nhắc lại những quy định đó mà chỉ bổ sung một số quy định mới thể hiện quan điểm và thái độ đối với cuộc đấu tranh chống tham nhũng của Nhà nước ta.

1. Xử lý người có hành vi tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật khác

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 không chỉ quy định đối tượng có hành vi tham nhũng bị xử lý mà quy định cả các đối tượng khác có hành vi vi phạm liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ hay trách nhiệm của mình mà pháp luật đã có quy định.

Điều 68 quy định đối tượng bị xử lý kỷ luật, xử lý hình sự bao gồm:

- Người có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 3 của Luật này;

- Người không báo cáo, tố giác khi biết được hành vi tham nhũng;

- Người không xử lý báo cáo, tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng;

- Người có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng;

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

- Người thực hiện hành vi khác vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đối tượng có thể bị xử lý liên quan đến việc thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng rất đa dạng. Tuy nhiên, đối với cán bộ, công chức, viên chức (là nhóm chủ yếu trong số những người có chức vụ, quyền hạn) thì hình thức xử lý phổ biến đối với họ (nếu chưa đến mức xử lý hình sự) là việc áp dụng các hình thức kỷ luật bao gồm:

- Khiển trách;

- Cảnh cáo;

- Hạ bậc lương;

- Hạ ngạch¹;

¹. Luật Cán bộ, công chức, có hiệu lực từ ngày 1-1-2010 thì không còn hình thức kỷ luật “hạ ngạch” mà thay vào đó là hình thức “giáng

- Cách chức;
- Buộc thôi việc.

Nếu hành vi vi phạm đến mức độ nguy hiểm cao gây thiệt hại lớn về tiền và tài sản của Nhà nước thì họ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo phần các tội phạm về tham nhũng (bao gồm 7 tội danh) sẽ bị truy cứu về tội danh khác mà thông thường là *tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*. (Điều 285 của *Bộ luật hình sự năm 1999*).

Luật phòng, chống tham nhũng đã có những quy định nghiêm khắc hơn về hậu quả pháp lý đối với người có hành vi tham nhũng, cụ thể ở hai điểm sau đây:

Người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật; truy cứu trách nhiệm hình sự; trong trường hợp bị kết án về hành vi tham nhũng và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì phải bị buộc thôi việc; đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân” (Điều 69 của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005*).

2. Xử lý tài sản tham nhũng

Điều 70, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi, tịch thu tài sản tham nhũng;
- Tài sản tham nhũng phải được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc sung quỹ nhà nước.

chức”.

- Người đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát hiện hành vi đưa hối lộ thì được trả lại tài sản đã dùng để hối lộ.

- Việc tịch thu tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng được thực hiện bằng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 289 của *Bộ luật hình sự năm 1999* quy định: *Người đưa hối lộ... nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ".*

Như vậy, theo quy định của *Bộ luật hình sự năm 1999* thì người đưa hối lộ được trả một phần hoặc toàn bộ tiền và tài sản đã dùng để hối lộ. Trong khi đó theo quy định tại khoản 3 của Điều 70, *Lưu ý phòng, chống tham nhũng năm 2005* thì người đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác **đương nhiên** được trả lại **toàn bộ tài sản** đã dùng để hối lộ.

Ngoài ra, về vấn đề xử lý tài sản tham nhũng, để phù hợp với tinh thần của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng mà Việt Nam đã tham gia ký kết, Điều 71, *Lưu ý phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định Trên cơ sở điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Chính phủ Việt Nam hợp tác với Chính phủ nước ngoài trong việc thu hồi tài sản của Việt Nam hoặc của nước ngoài bị tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp.

Nghị quyết Trung ương ba khóa X cũng nêu định hướng về vấn đề này như sau: Chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng. áp dụng chính sách khoan hồng đối với những người phạm tội nhưng có thái độ thành khẩn, đã bồi thường thiệt hại hoặc

khắc phục hậu quả kinh tế, hợp tác tốt với cơ quan chức năng. Nghiên cứu sửa đổi pháp luật hình sự theo hướng khoan hồng hơn đối với những người đưa hoặc người nhận hối lộ nhưng đã tự giác khai báo và nộp lại tài sản trước khi bị phát hiện. Trừng trị nghiêm khắc những đối tượng tham nhũng có tổ chức, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Nhanh chóng bổ sung vào Bộ luật hình sự các hành vi tham nhũng mới được quy định tại *Luật phòng, chống tham nhũng*; chú trọng tới các chế tài phạt tiền nhằm tăng khả năng thu hồi tài sản tham nhũng.

Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 cũng đưa ra giải pháp nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi pháp luật theo hướng tăng hình thức phạt tiền; miễn trách nhiệm hình sự hoặc giảm hình phạt đối với những đối tượng đã thực hiện hành vi tham nhũng nhưng chủ động khai báo, khắc phục hậu quả; hoàn thiện quy định xử lý tài sản tham nhũng; bổ sung quy định nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, bảo đảm cho việc thu hồi, tịch thu tài sản do tham nhũng mà có.

Việc xử lý hành vi tham nhũng, các hành vi vi phạm pháp luật khác và tài sản tham nhũng có thể được khái quát dưới hai dạng:

- Xử lý kỷ luật, xử lý hình sự: Luật quy định hai hình thức chế tài áp dụng đối với người có hành vi tham nhũng là xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự. Theo đó, đối tượng bị áp dụng chế tài gồm: người có hành vi tham nhũng quy định tại Điều 3 của Luật; người không báo cáo, tố giác khi biết được hành vi tham nhũng; người không xử lý báo cáo, tố giác, tố cáo về hành vi tham nhũng; người có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập người

phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; người thực hiện hành vi khác vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Xử lý tài sản tham nhũng: Luật quy định về nguyên tắc tài sản tham nhũng phải được thu hồi, tịch thu, trả lại cho chủ sở hữu, quản lý hợp pháp hoặc sung quỹ nhà nước. Người đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi hành vi đưa hối lộ bị phát hiện thì được trả lại tài sản đã dùng để hối lộ. Theo Điều 71 về thu hồi tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài thì trên cơ sở điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, Chính phủ Việt Nam hợp tác với Chính phủ nước ngoài trong việc thu hồi tài sản của Việt Nam hoặc của nước ngoài bị tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp.

IV- TỔ CHỨC, TRÁCH NHIỆM VÀ SỰ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG

1. Về trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan trong công tác phòng, chống tham nhũng

Trước hết, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Điều 72, Luật phòng, chống tham nhũng

quy định:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm áp dụng quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để tổ chức phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên về việc phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý.

Tiếp đó, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, là những cơ quan có vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh chống tham nhũng.

Riêng Thanh tra Chính phủ, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định thêm một số trách nhiệm với vai trò là đầu mối trong việc theo dõi, thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Điều 76 quy định trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ như sau:

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; trường hợp phát hiện hành vi tham nhũng thì đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu chung về phòng, chống tham nhũng.

Ngày 20-5-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 65/2008/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và

cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ. Nghị định này thay thế Nghị định số 55/2005/NĐ-CP ban hành ngày 25-4-2005. Theo quy định mới, Thanh tra Chính phủ có chức năng: *là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.* Với quy định này, vai trò và trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ nói riêng và ngành thanh tra nói chung trong công tác phòng, chống tham nhũng càng trở nên quan trọng

Điều 80, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định nội dung phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, viện kiểm sát, toà án trong đấu tranh chống tham nhũng như sau:

- Trao đổi thường xuyên thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về công tác phòng, chống tham nhũng;
- Chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý;
- Tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng và kiến nghị chính sách, giải pháp phòng, chống tham nhũng.

Về sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước với cơ quan điều tra, Điều 81, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định như sau:

- Trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho cơ quan điều tra thì cơ quan điều tra phải tiếp nhận và giải quyết theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.
- Trong trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan điều tra thì cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước có

quyền thông báo với viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan điều tra cấp trên.

Điều 82, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định về phối hợp công tác giữa cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước với Viện kiểm sát như sau:

- Trong trường hợp chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho cơ quan điều tra thì cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước có trách nhiệm thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát.

- Trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước chuyển hồ sơ vụ việc tham nhũng cho viện kiểm sát thì viện kiểm sát phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết bằng văn bản cho cơ quan đã chuyển hồ sơ.

Các quy định nêu trên vừa quy định phương thức phối hợp công tác giữa các cơ quan trong đấu tranh chống tham nhũng, vừa tạo cơ chế ràng buộc, giám sát lẫn nhau trong hoạt động của các cơ quan để tránh tình trạng có thể bỏ lọt vụ việc tham nhũng trong quá trình hoạt động của các cơ quan này.

Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 đề ra giải pháp về vấn đề này như sau: Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng trong việc tiếp nhận, xử lý thông tin, tố cáo về tham nhũng, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng; tăng cường trang thiết bị, kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại. Nghiên cứu từng bước áp dụng các biện pháp, kỹ thuật điều tra đặc biệt với trình tự, thủ tục, điều kiện chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả phát hiện hành vi tham nhũng.

2. Về các cơ chế và tổ chức có tính chất chuyên trách trong đấu tranh chống tham nhũng

Mặc dù chúng ta không chủ trương lập ra một cơ quan mới, chuyên trách để chống tham nhũng với quyền hạn đặc biệt, nhưng để khắc phục tình trạng chống tham nhũng một cách dàn trải, ít hiệu quả như hiện nay, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* đã quy định một cơ chế và tổ chức mới có tính chất chuyên trách hơn để đảm nhiệm công tác này. Cụ thể:

a) Về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Trung ương

Điều 73, *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước. Giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng có bộ phận thường trực hoạt động chuyên trách.

- Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng mặc dù do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu nhưng không phải là cơ quan của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ là Trưởng ban, giúp việc Ban Chỉ đạo có bộ phận thường trực hoạt động chuyên trách. Như

vậy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng không hoàn toàn là một tổ chức có tính chất lâm thời đại diện mà đã từng bước thể hiện tính chất chuyên trách trong hoạt động của mình. Điều đó bảo đảm cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác đấu tranh chống tham nhũng trong thời gian tới.

Về chức năng, nhiệm vụ, Ban Chỉ đạo không tham gia trực tiếp vào việc giải quyết các vụ việc tham nhũng cụ thể, không can thiệp vào hoạt động của các cơ quan khác mà có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

Thành viên Ban Chỉ đạo bao gồm

1. Trưởng Ban Chỉ đạo: Thủ tướng Chính phủ;
2. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: Phó Thủ tướng Chính phủ;
3. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo:
 - Ủy viên Thường trực¹;
 - Tổng Thanh tra;
 - Bộ trưởng Bộ Công an;
 - Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
 - Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin;
 - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương;
 - Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương;
 - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng bắt đầu hoạt động từ tháng 10-2006. Do việc đổi mới, kiện toàn tổ

¹. Kiêm Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo.

chức bộ máy các cơ quan của Đảng và việc bầu, phê chuẩn các chức danh của Chính phủ (tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá XII), theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về *việc thay đổi, bổ sung danh sách của Ban Chỉ đạo*, gồm 10 thành viên¹.

Các uỷ viên Ban Chỉ đạo sử dụng bộ máy của cơ quan, tổ chức do mình quản lý, phụ trách để thực hiện nhiệm vụ được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng được thành lập và đi vào hoạt động bước đầu đã thể hiện được hiệu quả. Tuy nhiên, với tình hình tham nhũng ngày càng lan rộng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực như hiện nay thì việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Trung ương là chưa đủ. Thực tiễn tại các địa phương cho thấy cần phải có một cơ chế để chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng. Ngày 4-8-2007, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ nhất đã thông qua *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng*.

Điều 73 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng do Thủ tướng Chính phủ đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước. Giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung

¹. So với trước kia, Ban Chỉ đạo không có Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương do cơ quan này đã giải thể, Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin được thay bằng Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

ương về phòng, chống tham nhũng có bộ phận thường trực hoạt động chuyên trách.

- Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về phòng, chống tham nhũng do chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra, đôn đốc hoạt động phòng, chống tham nhũng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng có bộ phận giúp việc.

- Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, để phù hợp với *Luật sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Quốc hội* được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 2-4-2007, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-7-2007 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban Tư pháp của Quốc hội trong giám sát, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng Điều 74 về công tác phòng, chống tham nhũng của Luật được sửa đổi, bổ sung như sau:

- Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội giám sát công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

- Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát công tác phòng ngừa tham nhũng thuộc lĩnh vực do mình phụ trách.

Uỷ ban Tư pháp của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng.

- Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương.

- Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Sau khi có Nghị quyết số 294A/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 27-9-2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế hoạt động của ban chỉ đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phòng, chống tham nhũng, các tỉnh, thành phố đã khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết này và tính đến ngày 3-3-2008 đã có 52/64 tỉnh, thành phố thành lập ban Chỉ đạo¹.

b) Việc thành lập các đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng trong một số cơ quan:

Điều 75, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định: Trong Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chuyên trách về chống tham nhũng quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định.

Các đơn vị chuyên trách chống tham nhũng tại Thanh tra

¹.Theo Báo cáo số 01/BC-BCĐ ngày 26-2-2008 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng về kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2007 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2008.

Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an đã đi vào hoạt động từ đầu năm 2007. Cùng với quy định thành lập các ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng và đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, *Luật phòng, chống tham nhũng* quy định nhiều nội dung quan trọng nhằm hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát với những nội dung cơ bản sau:

- Nhấn mạnh trách nhiệm của từng cơ quan trong phòng, chống tham nhũng và đặc biệt là trách nhiệm phối hợp;

- Phân định rõ ràng hoạt động phối hợp chung nhằm phòng ngừa tham nhũng và phối hợp trong phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng có dấu hiệu tội phạm.

Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng được thể hiện trong nhiều văn bản. Ví dụ: Thông tư Liên tịch số 03/2006/TTLT ngày 23-5-2006 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về *quan hệ phối hợp trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ có dấu hiệu tội phạm do cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố*; Thông tư liên tịch số 2462/2007/TTLT ngày 19-11-2007 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về *chế độ trao đổi, cung cấp thông tin về phòng, chống tham nhũng...*

V- VỀ VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA XÃ HỘI TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

Vai trò của xã hội thể hiện ở việc thực hiện chức năng giám

sát, phân biệt đối với hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và trong công tác phòng, chống tham nhũng nói riêng, xã hội có quyền đòi hỏi Nhà nước thực hiện đúng chức năng của mình cũng như đòi hỏi phải xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm của đội ngũ cán bộ, công chức, những người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hình thành nên từ sự đóng góp của các thành viên trong xã hội. *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* đã có những quy định để tạo cơ sở pháp lý để xã hội tham gia vào đấu tranh chống tệ tham nhũng qua việc quy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; vai trò và trách nhiệm của báo chí; vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; trách nhiệm của công dân và ban thanh tra nhân dân với các loại hình tham gia thích hợp với tính chất hoạt động của các tổ chức này.

Với quan niệm vai trò và sự tham gia của xã hội trong phòng, chống tham nhũng là một yếu tố thiết yếu trong một hệ thống phòng, chống tham nhũng hiệu quả. *Luật phòng, chống tham nhũng* tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp lý hiện hành nhằm khuyến khích và đảm bảo việc tham gia chủ động, tích cực và hiệu quả của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, bao gồm:

- Ghi nhận và đề cao vai trò cũng như trách nhiệm của các đoàn thể xã hội, báo chí, doanh nghiệp và công dân trong phòng, chống tham nhũng; có các quy định cụ thể nhằm khuyến khích và đảm bảo sự tham gia của xã hội.

- Quy định rõ về quyền tiếp cận thông tin của cơ quan, tổ chức và công dân; cơ chế cụ thể để thực hiện quyền này.

- Quy định những nội dung cơ bản về tố cáo hành vi tham nhũng. Chế định về tố cáo hành vi tham nhũng là một phần

quan trọng của *Luật phòng, chống tham nhũng*, là cơ chế quan trọng nhất để công dân trực tiếp tham gia phát hiện tham nhũng.

1. Về vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phòng, chống tham nhũng

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên được coi là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị trong thiết chế quyền lực của nhà nước ta, trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của bộ máy chính quyền nhân dân. Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp và pháp luật về Mặt trận và các tổ chức thành viên, Điều 85 của *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* đã quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm sau đây:

- Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân và các thành viên tổ chức mình thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; kiến nghị các biện pháp nhằm phát hiện và phòng ngừa tham nhũng;

- Động viên nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng;

- Cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xác minh, xử lý vụ việc tham nhũng;

- Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp

dụng biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá ba mươi ngày.

Như vậy, một mặt, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* ghi nhận vai trò hết sức to lớn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên trong đấu tranh chống tham nhũng; mặt khác, Luật cũng đặt ra yêu cầu rất cao về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc xem xét, thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Mặt trận và các tổ chức thành viên, tạo điều kiện để Mặt trận và các tổ chức thành viên thực hiện tốt quyền giám sát của mình.

Ngày 27-3-2007 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/2007/NĐ-CP *quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng*. Nghị định quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác phòng, chống tham nhũng về các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

- Phối hợp trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

- + Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên cùng cấp xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến và giáo

dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho các thành viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân.

+ Cơ quan nhà nước tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cùng cấp tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho nhân dân; động viên hội viên, đoàn viên, nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Trong trường hợp cơ quan nhà nước chủ trì việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng thì đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cùng cấp có liên quan tham gia phối hợp.

- Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho nhân dân trong địa phương.

- Phối hợp trong hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

+ Khi thực hiện nhiệm vụ giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở địa phương, cơ sở, cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét, tiếp thu kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cùng cấp, ban thanh tra nhân dân và ý kiến của nhân dân phản ánh thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Hội đồng nhân dân các cấp khi thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng có

trách nhiệm mời đại diện ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham gia xây dựng kế hoạch giám sát, tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng của hội đồng nhân dân.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cùng cấp giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Để thực hiện tốt điều này, Luật quy định người đứng đầu cơ quan nhà nước có trách nhiệm:

+ Cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

+ Cử đại diện tham gia hoạt động giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên khi được đề nghị.

+ Xem xét, giải quyết và trả lời yêu cầu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng.

+ Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc biểu dương, khen thưởng người tốt, việc tốt trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

+ Xem xét, giải quyết kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật không phù hợp,

làm nảy sinh tham nhũng.

- Phối hợp trong việc cung cấp thông tin, thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, xác minh, xử lý người có hành vi tham nhũng, vụ việc tham nhũng:

+ Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của mình trong công tác phòng, chống tham nhũng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên khi có yêu cầu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

Việc yêu cầu cung cấp thông tin của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về vụ việc tham nhũng, trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của Điều 31, *Luật phòng, chống tham nhũng* và Nghị định số 120/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20-10-2006 *quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng* và các quy định khác của pháp luật.

+ Khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc áp dụng biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, trả lời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về việc xem xét, xử lý đó. Trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá ba mươi (30) ngày.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi nhận được tố cáo về

vụ việc tham nhũng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chuyển đến có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định của *Luật khiếu nại, tố cáo* và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày vụ việc được giải quyết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đã chuyển đến biết kết quả.

+ Trong quá trình xác minh, xử lý vụ việc tham nhũng, người có hành vi tham nhũng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc tham nhũng, người có hành vi tham nhũng để làm cơ sở xem xét, giải quyết. Thời hạn cung cấp thông tin của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Khi cần thiết, cơ quan nhà nước đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cử đại diện của tổ chức mình tham gia xác minh, xử lý vụ việc tham nhũng.

- Phối hợp trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

+ Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân:

Văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, cơ quan tư pháp của ủy ban nhân dân cùng cấp có trách nhiệm tập hợp những ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cùng cấp về dự kiến chương trình xây dựng

ng nghị quyết của hội đồng nhân dân, quyết định, chỉ thị của ủy ban nhân dân trình cơ quan có thẩm quyền;

Đối với dự thảo nghị quyết, quyết định, chỉ thị có liên quan đến quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phòng, chống tham nhũng thì cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi dự thảo để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cùng cấp có liên quan tham gia ý kiến.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Đoàn Chủ tịch ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội là thành viên của Mặt trận ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành những vấn đề mà pháp luật quy định trách nhiệm tham gia phòng, chống tham nhũng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thành viên ở địa phương.

- Về phối hợp trong phòng, chống tham nhũng thông qua hiệp thương bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân, tuyển chọn thẩm phán, kiểm sát viên, giới thiệu hội thẩm toà án nhân dân, Luật quy định:

Khi nhận được yêu cầu xác minh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về dấu hiệu tham nhũng của những người được lựa chọn, giới thiệu là ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân, tuyển chọn thẩm phán, kiểm sát viên, hội thẩm toà án nhân dân thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, trả lời. Trường hợp vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không

quá ba mươi (30) ngày.

Để thực hiện các nội dung như trên, Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27-3-2007 cũng quy định việc xây dựng nội dung phối hợp công tác về phòng, chống tham nhũng như sau:

- Cơ quan nhà nước và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng nội dung phối hợp về công tác phòng, chống tham nhũng. Nội dung phối hợp được quy định trong quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan nhà nước và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Nội dung phối hợp về công tác phòng, chống tham nhũng phải căn cứ vào yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, điều kiện cụ thể của từng địa phương. Nội dung phối hợp có những hoạt động chủ yếu sau:

- + Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

- + Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

- + Phối hợp trong việc cung cấp thông tin, phát hiện, xác minh, xử lý vụ việc tham nhũng;

- + Các biện pháp tổ chức thực hiện;

- + Trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp.

2. Về vai trò và trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng

Khoản 1 và 2, Điều 86, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Nhà nước khuyến khích cơ quan báo chí, phóng viên đưa tin phản ánh về vụ việc tham nhũng và hoạt động phòng, chống tham nhũng.

- Cơ quan báo chí có trách nhiệm biểu dương tinh thần và những việc làm tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng; lên án, đấu tranh đối với những người có hành vi tham nhũng; tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 cũng quy định quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan báo chí và phóng viên cùng trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc hỗ trợ cơ quan báo chí và phóng viên thực hiện được chức năng của mình. Khoản 3 và 4, Điều 86, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* cũng quy định trách nhiệm của cơ quan báo chí và phóng viên trong hoạt động nghề nghiệp của mình để bảo đảm đúng mục đích hoạt động của báo chí, để báo chí thực sự là cơ quan của Đảng và là tiếng nói của nhân dân, qua đó phát huy vai trò tích cực của mình như một vũ khí mạnh mẽ và có hiệu quả trong đấu tranh chống tham nhũng. Luật quy định một cách cân bằng quyền và nghĩa vụ của cơ quan báo chí trong việc tham gia vào công tác phòng, chống tham nhũng.

Cơ quan báo chí, phóng viên có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hành vi tham nhũng. Cơ quan tổ chức, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin tài liệu đó theo quy định của pháp luật; trường hợp không cung cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đồng thời, cơ quan báo chí, phóng viên phải đưa tin trung

thực, khách quan. Tổng biên tập, phóng viên chịu trách nhiệm về việc đưa tin và chấp hành pháp luật về báo chí, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Trên cơ sở các quy định của Luật, Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27-3-2007 đã cụ thể hoá một số vấn đề liên quan đến vai trò và trách nhiệm của báo chí trong lĩnh vực này:

- Tuyên truyền, động viên nhân dân tham gia phòng, chống tham nhũng:

Cơ quan báo chí, nhà báo thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình có trách nhiệm:

- + Tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; tuyên truyền về công tác phòng, chống tham nhũng của các cơ quan, tổ chức.

- Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội, động viên nhân dân tích cực tham gia đấu tranh chống tham nhũng.

- + Biểu dương tinh thần và những việc làm tích cực của tập thể, cá nhân trong công tác phòng, chống tham nhũng; bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

- + Lên án, đấu tranh với người có hành vi tham nhũng.

- Việc thu thập, cung cấp thông tin về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng:

- + Khi nhận được kiến nghị, phản ánh, tin, bài của công dân về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng hoặc thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, cơ quan báo chí, nhà báo có quyền thu thập thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật để làm rõ về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng và yêu cầu cơ quan, tổ chức,

cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo quy định của pháp luật.

+ Khi nhận được yêu cầu của cơ quan báo chí, nhà báo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan báo chí, nhà báo, giúp cho báo chí thông tin chính xác, kịp thời. Việc yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan báo chí, nhà báo về vụ việc tham nhũng và trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 31, *Luật phòng, chống tham nhũng* và Nghị định số 120/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20-10-2006 *quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng và các quy định khác của pháp luật*.

Ngoài ra, để đề cao trách nhiệm của nhà báo và cơ quan báo chí, Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27-3-2007 cũng có những quy định cụ thể liên quan đến việc đưa tin của cơ quan báo chí, nhà báo về phòng, chống tham nhũng như sau:

+ Cơ quan báo chí, nhà báo có quyền đưa tin phản ánh về vụ việc tham nhũng và hoạt động phòng, chống tham nhũng. Khi đưa tin về vụ việc tham nhũng, người có hành vi tham nhũng, cơ quan báo chí, nhà báo phải đưa tin trung thực, khách quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đưa tin đó.

+ Cơ quan báo chí phát hiện hoặc nhận được tố cáo của công dân về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì phải báo ngay cho cơ quan điều tra hoặc viện kiểm sát nhân dân bằng văn bản. Cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm thụ lý và trả lời cho báo chí cách giải quyết. Cơ quan báo chí có quyền

đưa tin về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng từ các thông tin, tài liệu mà mình có được và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin được đăng tải trên báo chí.

Trường hợp có căn cứ cho rằng, kiến nghị, phản ánh, tin, bài, tố cáo của công dân về vụ việc tham nhũng không có cơ sở thì cơ quan báo chí thông báo cho công dân về việc không đưa tin và nêu rõ lý do.

Để tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí và nâng cao chất lượng, vai trò của báo chí trong đời sống xã hội nói chung và trong phòng, chống tham nhũng nói riêng, Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27-3-2007 quy định:

- Tổng biên tập, nhà báo chịu trách nhiệm về việc đưa tin và chấp hành pháp luật về báo chí, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động báo chí.

- Cơ quan báo chí, nhà báo không được đưa tin về những vụ việc không có căn cứ rõ ràng; đưa tin sai sự thật; phương hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích của tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của công dân; không được tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan báo chí, nhà báo có quyền và nghĩa vụ từ chối tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo, người cung cấp thông tin về vụ việc tham nhũng, về người có hành vi tham nhũng nếu có hại cho người đó, trừ trường hợp có yêu cầu của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân hoặc chánh án toà án nhân dân cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên để phục vụ cho việc điều tra, truy tố, xét xử.

- Khi đưa tin trên báo chí về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, cơ quan báo chí, nhà báo đưa tin sai sự thật phải cải chính, xin lỗi theo quy định của pháp luật về báo chí. Nếu lợi dụng quyền thông tin báo chí để xuyên tạc, vu khống thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

3. Về vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong phòng, chống tham nhũng

Trên, thực tế những năm qua, các doanh nghiệp là nạn nhân của tệ tham nhũng cửa quyền, sách nhiễu từ những người có chức vụ, quyền hạn nhưng cũng không ít doanh nghiệp đã tìm cách móc nối với những kẻ thoái hoá, biến chất trong bộ máy nhà nước, tiếp tay cho hành vi tham nhũng để mưu lợi cá nhân. Điều đó làm ảnh hưởng đến những doanh nghiệp làm ăn đứng đắn, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, làm xấu đi môi trường kinh doanh cũng như tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội. Chính vì vậy, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng vừa là trách nhiệm, vừa là đòi hỏi tất yếu của doanh nghiệp và những người hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Điều 87, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề như sau:

- Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo về hành vi tham nhũng và phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc xác minh, kết luận về hành vi tham nhũng.

- Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm tổ chức, động viên, khuyến khích hội viên của mình xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng.

- Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và hội viên có trách nhiệm kiến nghị với Nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhằm phòng, chống tham nhũng.

- Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh, có cơ chế kiểm soát nội bộ ngăn chặn hành vi tham ô, đưa hối lộ.

Cụ thể hoá quy định này của Luật, Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27-3-2007 đã nêu ra các hoạt động mà doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có thể thực hiện để góp phần phòng, chống tham nhũng như sau:

- Tuyên truyền, động viên cán bộ, người lao động thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

+ Đối với doanh nghiệp:

Tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp; vận động cán bộ, người lao động thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng;

Tổ chức các hình thức động viên, giáo dục cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp thực hiện quy tắc ứng xử trong hoạt động của doanh nghiệp để phòng ngừa tham nhũng.

+ Đối với các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề:

Tổ chức tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho các hội viên của hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề; vận động hội viên thực hiện các quy định của Luật

Phòng, chống tham nhũng;

Tổ chức các hình thức động viên, khuyến khích các hội viên xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp để phòng ngừa tham nhũng.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện tham nhũng:

+ Doanh nghiệp áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng thông qua việc thực hiện cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước và người lao động trong doanh nghiệp; thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng và thực hiện các quy định về kiểm soát nội bộ nhằm phòng, chống tham nhũng; khuyến khích việc phát hiện, tố cáo các hành vi tham nhũng. Đặc biệt là phải bài trừ việc tìm cách đưa hối lộ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền dưới mọi hình thức nhằm giành lợi thế trong hoạt động kinh doanh.

+ Doanh nghiệp cũng cần ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp nhằm phòng ngừa tham nhũng, kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các hành vi tham nhũng phát sinh trong nội bộ hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý.

- Thông báo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi tham nhũng:

+ Khi phát hiện có hành vi tham nhũng thì doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm

thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi tham nhũng đó.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả xử lý cho doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề đó biết.

- Cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ việc có dấu hiệu tham nhũng:

+ Khi nhận được yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có trách nhiệm cung cấp thông tin mà mình có được về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, đồng thời áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi quyền và trách nhiệm của mình để phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác minh, làm rõ vụ việc tham nhũng, người có hành vi tham nhũng.

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin cho doanh nghiệp, áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh, góp phần phòng, chống tham nhũng.

- Kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm phòng, chống tham nhũng:

Đây là vấn đề rất quan trọng và có ý nghĩa đối với công tác phòng, chống tham nhũng. Thông qua thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh, nếu thấy có những điểm bất cập, sơ hở trong cơ chế, chính sách, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước có

thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các văn bản pháp luật không phù hợp, làm phát sinh tham nhũng, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, hiệu quả công tác đấu tranh chống tham nhũng.

- Trách nhiệm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đại diện cho lợi ích của giới doanh nghiệp vừa và nhỏ. Để góp phần cùng các cơ quan nhà nước đấu tranh chống tham nhũng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có trách nhiệm:

- + Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên truyền, động viên doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề tham gia phòng, chống tham nhũng.

- + Phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức diễn đàn để trao đổi, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

- + Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật để hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhằm phòng, chống tham nhũng.

- + Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Khoản 5, Điều 87, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc chủ động phối hợp với các tổ chức đại diện doanh nghiệp và các doanh nghiệp tạo ra một diễn đàn trao đổi thẳng thắn, cởi mở để

cùng thống nhất hành động trong việc thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các tổ chức khác tổ chức diễn đàn trao đổi, cung cấp thông tin, phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 3, Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27-3-2007 đã cụ thể hoá quy định này, theo đó, cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên, tạo điều kiện để cơ quan báo chí, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, ban thanh tra nhân dân, công dân trong phòng, chống tham nhũng.

4. Về trách nhiệm của công dân và ban thanh tra nhân dân

Điều 88, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005* quy định:

- Công dân tự mình, thông qua ban thanh tra nhân dân hoặc thông qua tổ chức mà mình là thành viên tham gia phòng, chống tham nhũng.

- Ban thanh tra nhân dân tại xã, phường, thị trấn, trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Nghị định 47/2007/NĐ-CP ngày 27-3-2007 quy định ban

thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng thông qua các công việc cụ thể như sau:

- Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của nhân dân, cán bộ, người lao động về vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu trong việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

- Phát hiện hành vi tham nhũng, vụ việc tham nhũng của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

- Trực tiếp hoặc thông qua ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn, ban chấp hành công đoàn cơ sở kiến nghị với chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, hành vi tham nhũng và giám sát việc giải quyết đó.

Để tạo điều kiện cho ban thanh tra nhân dân phát huy vai trò của mình, pháp luật quy định, trong quá trình giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, ban thanh tra nhân dân có quyền hạn như sau:

- Đề nghị Chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc giám sát.

- Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, người có hành vi tham nhũng thì ban thanh tra nhân dân kiến

ngợi chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho ban thanh tra nhân dân. Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh hoặc kiến nghị cấp trên trực tiếp của người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết.

Trên thực tế, tổ chức và hoạt động của ban thanh tra nhân dân đã được quy định cụ thể và khá đầy đủ trong Nghị định số 99/2005/NĐ-CP ngày 28-7-2005 của Chính phủ *quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra về tổ chức và hoạt động của ban thanh tra nhân dân* và nhất là những nội dung giám sát trong *Pháp lệnh về dân chủ ở cơ sở*. Đây là những cơ sở pháp lý hết sức quan trọng để nhân dân thực hiện quyền giám sát của mình, góp phần phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản

Lời nói đầu

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THAM NHŨNG

I. Khái niệm tham nhũng

II- Nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng

III- Tác hại của tham nhũng

Chương II

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phòng, chống
tham nhũng

II- Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tham nhũng và đấu tranh
chống tham nhũng

Chương III

CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I- Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng

II- Các giải pháp phát hiện tham nhũng

III- Xử lý người có hành vi tham nhũng, các hành vi vi phạm pháp luật khác và tài sản tham nhũng

IV- Tổ chức, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong phòng chống tham nhũng

V- Về vai trò và trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:	TS. VŨ TRỌNG LÂM NGUYỄN THỊ TRANG
Trình bày bìa:	
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in:	
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THỊ TRANG

Mã số: _____

In ... cuốn, khổ 13x19 cm, tại Nxb. Chính trị quốc gia
Quyết định xuất bản số:..... cấp ngày... tháng... năm 2011
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2011.